

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

TẠO

...../.....

...

BỘ NỘI

XỬ LÝ

...../...

...

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC
GIA**

**NGUYỄN VĨNH
QUYỀN**

QUẢN LÝ NHÀ

NƯỚC

**VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI
LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ
CÔNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

TẠO

...../.....

...

BỘ NỘI

XỬ LÝ

...../...

...

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC
GIA**

**NGUYỄN VINH
QUYỀN**

QUẢN LÝ NHÀ

NƯỚC

**VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI
LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ**

CÔNG

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ

CÔNG Mã số: 8 34 04 03

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN:

TS. NGUYỄN ĐĂNG QUẾ

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các số liệu sử dụng phân tích trong luận án có nguồn gốc rõ ràng, đã công bố theo quy định. Các kết quả nghiên cứu trong luận án do tôi tự tìm hiểu, phân tích một cách trung thực, khách quan và phù hợp với thực tiễn. Các kết quả này chưa từng được công bố trong bất kỳ nghiên cứu nào khác.

Huế, tháng 12 năm 2020

Học viên

Nguyễn Vĩnh Quyền

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài tốt nghiệp này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình, sự đóng góp ý kiến quý báu của nhiều tập thể và cá nhân.

Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành đến thầy giáo TS. Nguyễn Đăng Quế người đã trực tiếp hướng dẫn, quan tâm, chỉ bảo tận tình và động viên tôi trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

Xin chân thành cảm ơn đến quý thầy cô giáo giảng dạy chương trình cao học chuyên ngành Quản lý công, học viện Hành chính công đã trang bị cho tôi nhiều kiến thức bổ ích và quý giá trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu tại trường.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến UBND huyện Hải Lăng, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện Hải Lăng, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hải Lăng và UBND các xã trên địa bàn huyện Hải Lăng đã tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình điều tra, thu thập tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu thực tập và hoàn thành đề tài.

Mặc dù đã có sự cố gắng nhưng trong quá trình thực hiện Luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 12 năm 2020

Học viên

Nguyễn Vĩnh Quyền

MỤC LỤC

Trang bìa Lời

cam đoan Lời

cảm ơn Mục

lục

Danh mục viết tắt Danh

mục các bảng biểu

MỞ ĐẦU 1

Chương 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 8

1.1. Một số khái niệm 8

1.1.1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và nông thôn mới 8

1.1.2. Quản lý nhà nước 12

1.1.3. Quản lý nhà nước về nông thôn mới 13

1.2. Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới 13

1.2.1. Sự cần thiết phải xây dựng nông thôn mới 13

1.2.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới 15

1.2.3. Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới 15

1.2.4. Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới 16

1.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới 19

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới 27

1.3.1. Sự lãnh đạo của Đảng 27

1.3.2. Vai trò quản lý và năng lực của bộ máy chính quyền các cấp 29

1.3.3. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng 29

1.3.4. Sự tham gia chủ động, tích cực của người dân nông thôn 30

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một

số địa phương trong nước và những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn triển khai tại địa phương	30
1.4.1. Tỉnh Nam Định	30
1.4.2. Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	34
1.4.3. Bài học rút ra cho huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	39
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ	42
2.1. Khái quát chung về huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	42
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	42
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	45
2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn trong thời gian qua tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	48
2.2.1. Công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới	48
2.2.2. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân	49
2.2.3. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội	51
2.2.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường	53
2.2.5. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội và an ninh, trật tự xã hội	55
2.2.6. Kết quả huy động nguồn lực	57
2.2.7. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới	59
2.3. Đánh giá chung về tình hình thực hiện quản lý Nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	64
2.3.1. Những kết quả nổi bật đạt được trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	64
2.3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	65

Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN HẢI LĂNG TRONG THỜI GIAN TỚI	69
3.1. Quan điểm, mục tiêu quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	69
3.1.1. Quan điểm	69
3.1.2. Mục tiêu chung	70
3.1.3. Mục tiêu cụ thể	70
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	71
3.2.1. Về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	71
3.2.2. Thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí Huyện nông thôn mới	78
3.2.3. Vốn và nguồn vốn thực hiện	87
3.2.4. Kế hoạch thực hiện	89
Tiểu kết chương 3	93
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	95
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Nguyên nghĩa
BCĐ	Ban Chỉ đạo
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CN-TTCN&XD	Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp và Xây dựng
CT MTQG XD NTM	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới
DN	Doanh nghiệp
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KT-XH	Kinh tế xã hội
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NLN	Nông lâm Ngư
NTM	Nông thôn mới
QLNN	Quản lý nhà nước
TMDV	Thương mại - Dịch vụ
UBND	Ủy ban nhân dân
XD NTM	Xây dựng Nông thôn mới

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU

Hình 2.1. Bản đồ hành chính huyện Hải Lăng	43
Bảng 2.1. Tình hình dân số và lao động của huyện Hải Lăng giai đoạn 2017 - 2019	46
Bảng 2.2. Cơ cấu giá trị sản xuất của huyện Hải Lăng giai đoạn 2017 - 2019	48
Bảng 2.3 Tổng hợp kết quả huy động nguồn lực thực hiện chương trình năm 2019	58
Bảng 2.4 Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới	59
Bảng 2.5 Báo cáo số liệu thực hiện chính trang nông thôn	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn, là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Đây là mục tiêu, yêu cầu cấp bách cho sự phát triển bền vững, có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng nông thôn mới mang tính thời sự, thu hút được sự quan tâm của người dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư khu vực nông thôn.

Xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ chiến lược thực hiện Nghị quyết TW 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn hướng tới mục tiêu xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, thương mại dịch vụ theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

Hải Lăng là huyện nằm ở phía Nam của tỉnh Quảng Trị, gồm có 15 xã và 01 thị trấn. Tổng diện tích tự nhiên 42.479,70 ha (*đất nông nghiệp 83,3%*). Dân số toàn huyện 81.833 người (*nông thôn 96,16%*). Lao động trong độ tuổi 38.965 người (*nông thôn 95,81%*). Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12,05%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó: NLN 26,46%; CN-TTCN&XD 37,65%; Thương mại - Dịch vụ 35,89%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 58,7 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo 4,49%.

Những năm qua cùng với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới đất nước; nông nghiệp, nông dân, nông thôn của huyện tiếp tục có

những bước phát triển. Công cuộc xây dựng nông thôn mới đã đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đã đề ra trước 01 năm. Bên cạnh đó, việc hình thành Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị hay dự án VISIP 8 và các tuyến giao thông trọng điểm đi qua (*QL 1A, đường cao tốc Cam Lộ-La Sơn, Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay và cảng Mỹ Thủy,...*) mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế của huyện trong những năm tới, tạo sự kết nối giao thương quan trọng và đưa các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện đến với thị trường trong và ngoài nước. Đây là nền tảng và động lực to lớn để cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện nhà tiếp tục phấn đấu hoàn thành mục tiêu mới, đó là xây dựng huyện Hải Lăng trở thành huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

Mặc dù vậy, công tác xây dựng nông thôn mới đang còn nhiều điểm tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức diễn ra như: Hiện trạng một số tiêu chí huyện, xã nông thôn đạt chuẩn ở mức tối thiểu, thiếu bền vững; công tác quy hoạch thiếu chặt chẽ, chưa có quy hoạch vùng của huyện; chưa hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít; việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế; vấn đề môi trường vẫn đang còn nhiều thách thức, chưa có mô hình điểm kiểu mẫu để nhân rộng; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

Xuất phát từ tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM, nghiên cứu về tình hình thực tế đang diễn ra trên địa bàn huyện Hải Lăng giúp cho bản thân đánh giá đúng thực trạng xây dựng NTM trên địa bàn, cũng như đề xuất những giải pháp để xây dựng nông thôn mới có ý nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Từ những lý do trên đã thúc đẩy em mạnh dạn chọn đề tài: **“Quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị”**. Đây là vấn đề biến động thường xuyên, hơn nữa cách tiếp cận và kiến thức còn hạn chế nên trong quá trình nghiên cứu làm đề tài không thể tránh những thiếu sót, kính mong nhận được sự hướng dẫn, góp ý của quý thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện, mang tính khả thi cao.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Xây dựng NTM luôn là mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng là sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý. Nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này đã được công bố, trong đó có một số công trình tiêu biểu như sau:

“Chính sách nông nghiệp, nông thôn sau Nghị quyết X của Bộ Chính trị” của Lê Đình Thắng chủ biên (1998), Nxb. Chính trị Quốc gia đã đề cập nhiều nội dung quan trọng liên quan đến chủ đề nghiên cứu, như phân tích quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam dưới sự tác động của hệ thống chính sách, phân tích một số chính sách cụ thể như chính sách đất đai, chính sách phân phối trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

“Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới” của Nguyễn Sinh Cúc (2003), Nxb. Thống kê. Đây là công trình nghiên cứu rất công phu của tác giả bởi ngoài những phân tích có tính thuyết phục về quá trình đổi mới nông nghiệp Việt Nam sau gần 20 năm, công trình còn cung cấp hệ thống tư liệu về phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta như là một Niên giám thống kê nông nghiệp thu nhỏ. Công trình đã luận giải rõ quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách nông nghiệp, nông thôn nước ta trong những năm đổi mới, những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Những gợi mở về những vấn đề cần giải quyết của phát triển nông nghiệp, nông thôn nước

ta như vấn đề đầu tư, vấn đề phân hoá giàu nghèo, nâng cao khả năng cạnh tranh, xuất khẩu nông sản...

“*Bảo hộ hợp lý nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*” của Bùi Xuân Lưu chủ biên (2004), Nxb. Thống kê. Trong công trình này, các tác giả đã phân tích những đặc trưng cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế trong nông nghiệp; phân tích khái quát những thành tựu cũng như hạn chế của nông nghiệp nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời khuyến nghị việc sửa đổi các chính sách và hoàn thiện vai trò của Nhà nước để nông nghiệp, nông thôn nước ta hội nhập kinh tế quốc tế thành công.

Chuyên đề “*Quản lý nhà nước về nông nghiệp nông thôn*” của Phạm Kim Giao (2004), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đi sâu phân tích 2 nội dung đó là: Thứ nhất, quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thứ hai, một số nội dung chủ yếu của QLNN về nông thôn. Nêu ra những thành tựu và hạn chế trong quá trình QLNN về nông thôn, đồng thời, nêu những giải pháp để làm tốt công tác QLNN về nông thôn thời gian đến như: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn, phát huy vai trò và đổi mới hoạt động của các thành phần kinh tế, phát triển công nghiệp dịch vụ, quản lý quy hoạch xây dựng các điểm dân cư, quản lý xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, quản lý các vấn đề xã hội an ninh và trật tự nông thôn.

Đề tài “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam - con đường và bước đi*”, do Nguyễn Kế Tuấn làm chủ nhiệm (2006), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, đã đề cập đến nội dung phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta thời gian qua; đồng thời đề xuất phương hướng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong thời gian tới.

“Phát huy vai trò của chính quyền nông thôn trong công cuộc đổi mới đất nước” của Nguyễn Thị Thanh Nhân, Tạp chí QLNN số 191, tháng 12-2011. Tác giả nêu ra những biến đổi to lớn ở nông thôn khi tiến hành đổi mới như: sự tái lập vai trò của hộ gia đình và yếu tố làng xã, xuất hiện sự phân hóa xã hội nông thôn dưới tác động của kinh tế thị trường, nét mới trong tâm lý nông dân thời kinh tế thị trường và những diễn biến phức tạp của đời sống chính trị - xã hội nông thôn. Vì vậy, cần phải xây dựng chính quyền NTM phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ QLNN, đảm bảo chính quyền đơn giản, gọn nhẹ, vận hành thông suốt, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và đặc biệt phải phù hợp với điều kiện thực tế của nông thôn Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Trên cơ sở lý luận được đưa ra, luận văn tìm hiểu việc thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng NTM trên địa bàn huyện Hải Lăng. Từ đó, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM; xây dựng những mục tiêu cụ thể và đề xuất các giải pháp trong xây dựng huyện NTM tại huyện Hải Lăng.

3.2. Nhiệm vụ

Nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên, trong quá trình thực hiện đề tài cần giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu, tìm hiểu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu trong quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.
- Làm rõ thực trạng quản lý Nhà nước về xây dựng NTM theo các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM và những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện.

-Đưa ra các mục tiêu, định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm thực xây dựng đạt chuẩn huyện NTM tại địa bàn nghiên cứu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng quản lý nhà nước về xây dựng NTM trên địa bàn huyện Hải Lăng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Về thời gian: Từ năm 2010 đến 2019.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau, bao gồm:

-Phương pháp thống kê và xử lý số liệu: Để có những thông tin khái quát cũng như chi tiết về lãnh thổ nghiên cứu thì cần phải có các số liệu thống kê về KT-XH, thực trạng xây dựng NTM. Ngoài ra, để thực hiện các bước nghiên cứu có hiệu quả cao thì cần thu thập thống kê các tài liệu, nguồn dữ liệu được thống kê, tính toán qua tài liệu, báo cáo và văn bản lưu trữ.

-Phương pháp khảo sát thực địa: là phương pháp truyền thống nhưng hiện nay vẫn được coi là một trong những phương pháp không thể thiếu được khi nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích hệ thống.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

-Luận văn làm rõ mặt lý luận trong công tác QLNN trong xây dựng NTM; đồng thời, qua việc phân tích, đánh giá những mặt đạt được và những hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp tăng cường QLNN về xây dựng NTM ở huyện Hải Lăng trong thời gian tới.

-Luận văn có thể là tài liệu tham khảo, luận cứ khoa học để hoàn thiện công tác QLNN trong xây dựng NTM đối với các địa phương có đặc điểm phù hợp, tương đồng với huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục; luận văn được trình bày thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về xây dựng Nông thôn mới.

Chương 2: Đánh giá thực trạng QLNN về xây dựng NTM của huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Một số giải pháp tăng cường QLNN về XD NTM ở huyện Hải Lăng trong thời gian tới.

Chương 1

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và nông thôn mới

Theo nghĩa thông thường, nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất sử dụng đất đai và sinh vật làm ra sản phẩm nông nghiệp. Cách định nghĩa này chỉ dừng lại ở sản xuất nông nghiệp truyền thống. Tuy nhiên, nền kinh tế càng phát triển thì yêu cầu của xã hội với nông nghiệp càng cao. Nông nghiệp không chỉ đơn thuần là sản xuất ra các sản phẩm tươi sống mà còn bao gồm cả khâu chế biến, marketing và tiêu thụ nông sản. Do vậy, sản phẩm cuối cùng của nông nghiệp không đơn thuần là nông sản mà thực phẩm nông sản. Do đó, nông nghiệp cần được định nghĩa ở phạm vi rộng hơn. *Nông nghiệp là ngành sản xuất - kinh doanh làm ra thực phẩm nông sản, bao gồm cả sản xuất nông nghiệp, chế biến, marketing và phân phối các thực phẩm nông sản.*

Chủ thể của các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp là nông dân. Theo nghĩa thông thường, nông dân là những người tham gia sản xuất nông nghiệp. Trên thực tế, rất nhiều nông dân, ngoài việc tham gia vào sản xuất nông nghiệp vẫn tham gia vào các hoạt động kinh tế khác như sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và dịch vụ. Nông thôn càng phát triển thì cơ cấu ngành nghề trong nông thôn càng đa dạng. Do đó, khái niệm về nông dân cần được hiểu theo nghĩa rộng hơn. *Nông dân là những người dân sống ở nông thôn làm các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ khác nhau tùy theo khả năng và lợi thế so sánh của họ.*

Nông dân là những người lao động cư trú ở nông thôn, tham gia sản xuất nông nghiệp. Nông dân sống chủ yếu bằng ruộng vườn, sau đó đến các

ngành nghề mà tư liệu sản xuất chính là đất đai. Tùy từng quốc gia, từng thời 10 kì lịch sử, người nông dân có quyền sở hữu khác nhau về ruộng đất. Họ hình thành nên giai cấp nông dân, có vị trí, vai trò nhất định trong xã hội.

Khu vực của nền kinh tế mà trong đó các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp được tiến hành là nông thôn. Nông thôn là khu vực khác với thành thị về không gian, hoạt động kinh tế, đặc điểm cộng đồng và sinh thái. Nông thôn gắn liền với đời sống, tập tục và bản sắc văn hoá của một cộng đồng. Về phương diện kinh tế, nông thôn bao gồm cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, văn hoá, tài nguyên thiên nhiên, tổ chức và thể chế, công nghiệp và hạ tầng cơ sở. Vì thế phát triển nông thôn phải bao gồm phát triển cả kinh tế, xã hội, tổ chức và môi trường.

“*Nông thôn*” là một khái niệm thông dụng, nhưng có nội hàm rộng và có thể khác nhau ở các Quốc gia.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Thế giới thì “*Nông thôn là khu vực mà ở đó tập trung dân cư sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp*”.

Ở Việt Nam, theo quy định về hành chính và thống kê, thì nông thôn là những địa bàn thuộc xã (những địa bàn thuộc phường hoặc thị trấn được quy định là khu vực thành thị). Cho đến nay, nông thôn ở nước ta được hiểu là nơi sinh sống và làm việc của một cộng đồng bao gồm chủ yếu là nông dân, là vùng sản xuất nông nghiệp là chính. Nông thôn có cơ cấu hạ tầng, trình độ tiếp cận thị trường, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn so với thành thị.

Hiện nay, khái niệm về nông thôn đã được nêu rõ tại Thông tư số 43 ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: “*Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là ủy ban nhân dân xã*” [3].

Nông thôn là khái niệm dùng để chỉ một địa bàn mà ở đó sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Nông thôn có thể được xem xét trên nhiều góc độ: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... Kinh tế nông thôn là một khu vực của nền kinh tế gắn liền với địa bàn nông thôn.

Kinh tế nông thôn vừa mang những đặc trưng chung của nền kinh tế về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về cơ chế kinh tế... vừa có những đặc điểm riêng gắn liền với nông nghiệp, nông thôn. Xét về mặt kinh tế - kỹ thuật, kinh tế nông thôn có thể bao gồm nhiều ngành kinh tế như: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ... trong đó nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu. Xét về mặt kinh tế - xã hội, kinh tế nông thôn cũng bao gồm nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể... Xét về không gian và lãnh thổ, kinh tế nông thôn bao gồm các vùng như: vùng chuyên canh lúa, vùng chuyên canh cây màu, vùng trồng cây ăn quả...

Nông thôn trong đó có đầy đủ các yếu tố, các vấn đề xã hội và các thiết chế xã hội. Nông thôn thuộc một cơ cấu xã hội, trong đó có hàng loạt các yếu tố, các lĩnh vực nằm trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Nông thôn mới là nông thôn mà trong đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông dân được đào tạo, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới [7].

Nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch, gắn kết hợp lý giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ. Sức

mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Như vậy mô hình nông thôn mới là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra cho nông thôn trong điều kiện hiện nay, là kiểu nông thôn được xây dựng khác biệt hẳn so với mô hình truyền thống ở tính tiên tiến về mọi mặt: sản xuất nông nghiệp của nông thôn mới phải bao gồm cơ cấu các ngành nghề mới với các điều kiện sản xuất nông nghiệp hiện đại hơn, việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến phải được phổ biến rộng rãi, quy mô lớn, hiệu quả kinh tế cao, thu nhập của người dân ổn định, hạ tầng và các điều kiện sống hiện đại... Tuy nhiên, cũng cần phải phân biệt rõ XD NTM để rút ngắn khoảng cách giữa “nông thôn” và “thành thị”.

XD NTM là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

XD NTM là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. NTM không chỉ là vấn đề KT-XH mà là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp.

XD NTM giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

XD NTM là công việc đòi hỏi phải tổ chức được không gian phù hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình, có tính chất khả thi và việc khai thác tối đa những ưu thế của địa phương để phát triển kinh tế nhằm nâng cao điều kiện sống theo hướng hiện đại, các nhu cầu về xã hội được bảo đảm (*y tế, giáo*

dục, văn hóa, thể thao, trình độ dân trí...) nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng của địa phương mình.

Chương trình XD NTM chính là một trong những cách làm nhằm thực hiện chính sách “tam nông”. Vì thế, đây không chỉ đơn thuần là việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất mà phải là sự thay đổi một cách căn bản diện mạo nông thôn; thay đổi từ suy nghĩ đến cách làm của người dân nông thôn giúp họ có thể nâng cao được đời sống vật chất, tinh thần. Họ vẫn là người gắn bó với ruộng đồng, làng bản nhưng có cách thức sản xuất hiện đại, có đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống ngày càng phải được đảm bảo. Do vậy, để xây dựng mô hình này thành công thì cần phải có sự đồng thuận và chung tay của chính quyền các cấp với toàn thể địa phương, đặc biệt là ý thức và sự nỗ lực của chính những người nông dân [15].

1.1.2. Quản lý nhà nước

Thuật ngữ “Quản lý nhà nước” được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng: Quản lý nhà nước là sự chỉ huy, điều hành của các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp) để thực thi quyền lực Nhà nước, thông qua các văn bản quy phạm pháp luật.

Theo nghĩa hẹp: Quản lý nhà nước chủ yếu là quá trình tổ chức, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi của con người theo pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đồng thời, các cơ quan nhà nước còn thực hiện các hoạt động có tính chấp hành, điều hành, hành chính nhà nước nhằm xây dựng, tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ của mình.

Từ những điểm chung của các quan niệm trên, có thể hiểu: *Quản lý nhà nước là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước của các cơ quan*

trong bộ máy nhà nước nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước trên cơ sở các quy luật phát triển xã hội, nhằm mục đích ổn định và phát triển đất nước.

1.1.3. Quản lý nhà nước về nông thôn mới

“Quản lý nhà nước về nông thôn mới là sự tác động có tổ chức của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong vấn đề XD NTM trên cơ sở các tiêu chí đánh giá về nông thôn mới đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay” [12].

Từ khái niệm “quản lý nhà nước” và khái niệm về “quản lý nhà nước về nông thôn mới”, có thể hiểu: Quản lý nhà nước về XD NTM chính là việc Nhà nước thực hiện vai trò của mình thông qua việc hoạch định chiến lược, xây dựng các chính sách, kế hoạch và triển khai các chương trình hỗ trợ nhằm tác động tới sự phát triển KT-XH của khu vực nông thôn, làm cho nông thôn phát triển toàn diện và đồng bộ, có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; làng xã văn minh, sạch đẹp; sản xuất phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hóa; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị vững mạnh và được tăng cường; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN.

1.2. Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới

1.2.1. Sự cần thiết phải xây dựng nông thôn mới

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có quan hệ hữu cơ không thể tách rời, có vai trò to lớn trong quá trình phát triển KT-XH của đất nước. Tuy nhiên, những năm qua lĩnh vực này còn gặp nhiều khó khăn và đang bộc lộ những hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, XD NTM trong giai đoạn hiện nay là việc làm hết sức cần thiết bởi một số lý do cơ bản sau:

Thứ nhất, nông thôn phát triển tự phát, thiếu quy hoạch, hạ tầng kinh tế xã hội kém phát triển, ô nhiễm môi trường nhiều tiềm ẩn, tai tệ nạn xã hội ngày một gia tăng, nét đẹp văn hóa bị mai một mất đi,...; thực tế một số nhóm người không muốn ở nông thôn. Tình trạng nữ hóa lao động, già hóa nông dân khá phổ biến; “Ngành nông nghiệp ít người muốn vào, nông thôn ít người muốn ở, nông dân ít người muốn làm”.

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu, quan hệ sản xuất chậm đổi mới: Kinh tế hộ là chủ yếu phổ biến với quy mô nhỏ (36% số hộ có dưới 0,2 ha) manh mún, nhỏ lẻ, bảo quản chế biến còn hạn chế, chưa gắn chế biến với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chất lượng nông sản chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp còn chậm, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp còn thấp; cơ giới hoá chưa đồng bộ.

Thứ ba, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn: Thu nhập bình quân của người nông dân của cả nước chỉ bằng $\frac{1}{2}$ bình quân chung, nhiều nơi còn thấp hơn chỉ từ 200 - 300 USD. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao (16,2%), chênh lệch 18 giàu nghèo ngày càng giãn ra, chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng ngày càng cao, thu nhập bình quân đạt 16 triệu đồng/hộ (năm 2008) nhưng chênh lệch giữa 10% nhóm người giàu và 10% nhóm người nghèo nhất là 13,5 lần. (Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2008 của Chính phủ).

Thứ tư, do yêu cầu nâng cao mức thụ hưởng thành tựu của công cuộc đổi mới đối với nông dân. Hơn 70% dân số, nông dân nước ta là lực lượng cốt yếu giữ cho đất nước ổn định nhưng trên thực tế giai cấp nông dân bị thiệt thòi nhiều nhất, được thụ hưởng thành quả của công cuộc đổi mới thấp nhất: Cơ sở hạ tầng hạn chế, điều kiện sản xuất, sinh hoạt khó khăn, thu nhập thấp, khả năng tiếp cận các dịch vụ thấp, chất lượng cuộc sống thấp,

người dân phải đóng góp nhiều,... Vì vậy cần xây dựng nông thôn mới để nhà nước quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn cho nông dân.

Thứ năm, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn cùng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Để công nghiệp hóa cần đất đai, vốn và lao động kỹ thuật. Trong 03 yếu tố này thì có hai yếu tố thuộc về nông nghiệp, nông dân. Qua xây dựng nông thôn mới sẽ quy hoạch lại đồng ruộng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa. Mặt khác, mục tiêu mà Đảng và Chính phủ đặt ra đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Vì vậy, một nước công nghiệp không thể để nông nghiệp, nông thôn lạc hậu, nông dân nghèo khó.

1.2.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

1.2.3. Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới

Một: Các nội dung, hoạt động của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 491/QĐ- TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Bộ tiêu chí quốc gia NTM).

Hai: Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

Ba: Kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

Bốn: Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, có quy hoạch và cơ chế đảm bảo thực hiện các quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm: Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

Sáu: Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp uỷ đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

1.2.4. Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 gồm có 19 tiêu chí và 49 chỉ tiêu. Các tiêu chí nông thôn mới được phân thành 5 nhóm gồm:

- *Nhóm Quy hoạch*: có 1 tiêu chí (1- Quy hoạch).
- *Nhóm Hạ tầng kinh tế - xã hội*: có 8 tiêu chí (2- Giao thông; 3- Thủy lợi; 4- Điện; 5- Trường học; 6- Cơ sở vật chất văn hóa; 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 8- Thông tin và truyền thông; 9- Nhà ở dân cư).
- *Nhóm Kinh tế và Tổ chức sản xuất*: có 4 tiêu chí (10- Thu nhập; 11- Hộ nghèo; 12- Lao động có việc làm; 13- Tổ chức sản xuất).

- *Nhóm Văn hóa - Xã hội - Môi trường*: gồm 4 tiêu chí (14- Giáo dục và Đào tạo; 15- Y tế; 16- Văn hóa; 17- Môi trường và an toàn thực phẩm).

- *Nhóm hệ thống chính trị*: gồm có 2 tiêu chí 18- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 19- Quốc phòng và an ninh) [18].

Với mỗi tiêu chí, Quyết định quy định cụ thể chỉ tiêu chung cũng như chỉ tiêu theo từng vùng: Trung du miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Duyên hải Nam Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong đó, tiêu chí giao thông gồm các nội dung: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn.

Về thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020, chỉ tiêu chung là từ 45 triệu đồng/người trở lên; còn đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung bộ là từ 36 triệu đồng/người trở lên; vùng Đồng bằng sông Hồng là từ 50 triệu đồng/người trở lên; vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên là từ 41 triệu đồng/người trở lên; vùng Đông Nam Bộ là từ 59 triệu đồng/người trở lên; Đồng bằng sông Cửu Long là từ 50 triệu đồng/người trở lên.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, chỉ tiêu chung là từ 6% trở xuống. Chỉ tiêu theo vùng đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc là từ 12% trở xuống; vùng Đồng bằng sông Hồng từ 2% trở xuống; vùng Bắc

Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ từ 5% trở xuống; Tây Nguyên từ 7% trở xuống; vùng Đông Nam Bộ từ 1% trở xuống và Đồng bằng sông Cửu Long từ 4% trở xuống.

Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm gồm các nội dung: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định; tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch; chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ); tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật có 6 nội dung: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"; tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên; xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định; đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan, quy định cụ thể đối với các nhóm xã phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan để ban hành cẩm nang, tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương; nghiên cứu, chỉ đạo thí điểm các mô hình nông thôn mới kiểu mẫu; đề xuất các tiêu chí nâng cao chất lượng đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, tiêu chí xây dựng mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định [18].

1.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới là biểu hiện những công việc mà nhà nước làm để thực hiện vai trò, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội.

Nội dung quản lý nhà nước về XD NTM bao gồm:

Một là, hoạch định chiến lược, quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Hoạch định là quá trình xác định mục tiêu và quyết định phải làm gì và làm như thế nào để đạt được mục tiêu. Hoạch định chiến lược là tập hợp các hành động, quyết định của lãnh đạo, hướng tới việc soạn thảo các chiến lược chuyên biệt nhằm đạt mục tiêu của tổ chức. Hoạch định chiến lược bao gồm các việc như: xác định các ưu tiên, tập trung các nguồn lực... nhằm hướng đến mục tiêu chung.

Hoạch định làm tăng khả năng thành công của tổ chức, bởi thông qua hoạch định sẽ phân tích, dự báo được những thời cơ, thách thức, thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện mục tiêu. Từ đó có những giải pháp nắm bắt thời cơ, hạn chế rủi ro, phù hợp trong từng thời kỳ, từng giai đoạn. Trong xây dựng NTM, hoạch định chiến lược chính là việc định ra những

mục tiêu, nội dung, giải pháp ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho CTMTQG XD NTM.

Quy hoạch XD NTM là một trong những nội dung cơ bản và là bước đi đầu tiên, quan trọng trong tổng thể nhiệm vụ XD NTM nói chung. Quy hoạch NTM là điều kiện tiên quyết, là cơ sở cho đầu tư xây dựng các công trình, chỉnh trang, phát triển NT. Do đó, để thực hiện thành công, chủ động XD NTM thì công tác lập quy hoạch cần được quan tâm đặc biệt. Quy hoạch đúng mức tạo ra sự thống nhất giữa tổng thể phát triển KH-XH. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, sử dụng đất, gắn chặt với quy hoạch phát triển KH-XH vùng, ngành, địa phương, là công cụ quản lý XD NTM theo hướng văn minh, hiện đại. Ở cấp xã, lập quy hoạch chi tiết xây dựng NTM phải được nghiên cứu, tham khảo kỹ lưỡng và phải gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được lập; tổ chức lại các không gian chức năng, mạng lưới giao thông... gắn với việc tổ chức sắp xếp lại dân cư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật; công trình nhà ở và công trình công cộng được cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới phải phù hợp với điều kiện cụ thể, giá trị lịch sử, kiến trúc của các công trình hiện có và bản sắc văn hóa của từng địa phương.

Hai là, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước và chính sách về xây dựng nông thôn mới

Văn bản quản lý nhà nước được hiểu là những văn bản chứa đựng những quyết định và thông tin quản lý do các cơ quan nhà nước ban hành theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức nhất định nhằm điều chỉnh các mối quan hệ quản lý hành chính nhà nước giữa các cơ quan nhà nước với nhau và giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức và công dân. Văn bản quản lý Nhà nước thể hiện ý chí, mệnh lệnh, mang tính quyền lực Nhà nước,

là phương tiện để điều chỉnh những quan hệ xã hội thuộc phạm vi Nhà nước, đồng thời thể hiện kết quả hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức.

Trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, hệ thống các văn bản quản lý nhà nước chính là các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục nhất định, trong đó chứa quy tắc xử sự chung, điều chỉnh các vấn đề về xây dựng nông thôn mới. Thông qua hệ thống các văn bản này đảm bảo cho chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về XD NTM được triển khai đạt kết quả cao trong thực tiễn. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động XD NTM nhằm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương căn cứ thực hiện, như: Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH TW khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết 24/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020... Bên cạnh đó, các Bộ, ngành liên quan ở Trung Ương và địa phương cũng đã ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, để tiết kiệm nguồn vốn hiện có, Nhà nước đã triển khai việc nối tiếp một số chương trình từ giai đoạn trước và trong giai đoạn 2006-2010 [1].

Đã có 11 CTMTQG được thực hiện trên địa bàn cả nước, tác động chủ yếu đến khu vực NT. Trong đó, đáng chú ý là các chương trình như: xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ, phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 2004-2010; nước sạch

và vệ sinh môi trường NT; kiên cố hóa kênh mương; điện nông thôn; xóa đói giảm nghèo...

Ba là, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về XD NTM

Tổ chức bộ máy và biên chế là hai nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự vận hành của hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước. Việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sử dụng, bố trí đúng, đủ biên chế có ý nghĩa quyết định đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong bộ máy nhà nước.

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước với những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó luôn được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và cũng có thể khẳng định 27 định, nội dung quan trọng nhất của các bản Hiến pháp chính là những quy định về bộ máy nhà nước. Tương tự như vậy, đối với mỗi cấp hành chính, mỗi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý hành chính Nhà nước nói chung, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước cũng được kiến tạo theo những quy định chặt chẽ, cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức bộ máy quản lý trong xây dựng NTM chính là các bộ phận tham mưu, giúp việc, giúp cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý trong XD NTM một cách thống nhất, khoa học.

Ngày 01/7/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1013/QĐ-TTg về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương CTMTQG XDNTM, giai đoạn 2010-2020, trên cơ sở đó Ban Chỉ đạo TW tiếp tục xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai CTMTQG XDNTM, giai đoạn 2010-2020. Trong đó nêu rõ việc thành lập BCD - cơ quan tham mưu giúp việc trong quản lý nhà nước về XD NTM ở các cấp như sau:

- *Cấp Trung ương*: Thành lập Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, theo Quyết định số 1013/QĐ-TTg, ngày 01/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ,

trong đó, Trường BCD là đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ. BCD TW CT MTQG XDNTM giai đoạn 2010-2020 gồm 24 thành viên; Ban hành Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của BCD TW;

+ Thành lập Thường trực BCD TW gồm Trưởng ban, phó Trưởng ban và 3 Ủy viên là lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính và Xây dựng; thành lập Văn phòng điều phối Chương trình giúp Ban Chỉ đạo Trung ương đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- *Cấp tỉnh*: BCD của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Phó Ban thường trực là Phó Chủ tịch UBND tỉnh và 01 Phó ban là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên BCD có thành phần tương tự BCD TW. Thường trực BCD cấp tỉnh là Trưởng ban, các phó trưởng ban và 3 ủy viên là đại diện lãnh đạo các Sở: Xây dựng, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính;

+ Thành lập Văn phòng điều phối CT MTQG NTM đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, giúp BCD tỉnh thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- *Cấp huyện*: BCD của huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND là Phó Trưởng ban. Thành viên gồm lãnh đạo các phòng, ban có liên quan của địa phương;

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) là cơ quan thường trực điều phối, giúp BCD huyện thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- *Cấp xã*: Thành lập Ban Quản lý XD NTM xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban. Thành viên là một số đại diện cơ quan chuyên môn và đại diện một số Ban, ngành, đoàn thể chính trị xã.

+ Đi đôi với thành lập bộ máy giúp việc, cần tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở nông thôn, đặc biệt là cán bộ chuyên trách về NTM. Kinh nghiệm thành công trong XD NTM chỉ ra rằng, một tập thể lãnh đạo có năng lực, có trách nhiệm chính là điều kiện quan trọng quyết định thành công. Chính vì vậy, công tác đào tạo cán bộ cơ sở được coi trọng, bởi đây là lực lượng trực tiếp triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về XD NTM. Sự năng động và tinh thần trách nhiệm của họ đã dẫn dắt và khơi dậy tính sáng tạo của nông dân. Nhiều năm trở lại đây, Đảng và Nhà nước đã xây dựng và triển khai thực hiện nhiều Đề án về tuyển chọn, sử dụng và có những chế độ đãi ngộ để thu hút những người có đủ năng lực, trí tuệ và phẩm chất tham gia XD NTM (Đề án “Thí điểm tuyển chọn 500 trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020”).

Bốn là, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nội dung XD NTM

Chương trình MTQG về XD NTM là chương trình tổng thể về phát triển KT-XH, chính trị và an ninh quốc phòng. Do đó, quản lý Nhà nước về XD NTM chính là việc tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện 11 nội dung XD NTM. Trong đó, trọng tâm là các nội dung sau:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn, tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là con đường tất yếu để Việt Nam nhanh thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, trở thành một Quốc gia văn minh, hiện đại. Nội dung và yêu cầu cơ bản của CDCKT ở nước ta theo hướng CNH-HĐH là tăng nhanh tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành công nghiệp,

xây dựng và thương mại - dịch vụ. Đồng thời, giảm dần tương đối tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp (gọi chung là nông nghiệp).

Để chuyển dịch cơ cấu cần tập trung thực hiện một số vấn đề như: tăng mạnh hơn nữa tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GDP; phát triển mạnh các ngành nghề phi nông nghiệp; chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; phát triển mạnh chăn nuôi với tốc độ và chất lượng cao hơn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, bảo quản và chế biến; Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng: phát huy lợi thế tự nhiên của từng vùng, lợi thế kinh tế của từng loại cây trồng, con gia súc, tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ; Đưa nhanh khoa học công nghệ vào sản xuất; ứng dụng mạnh công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn:

Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH. Đó cũng là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh, mạnh và bền vững. Xuất phát từ thực tiễn tiến hành CNH trước đây và căn cứ vào thực trạng kinh tế của nước ta cũng như yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH-HĐH đất nước trong thời kỳ mới, đòi hỏi phải không ngừng phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng nông thôn làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Quản lý các vấn đề xã hội, an ninh và trật tự khu vực nông thôn:

Đó là việc quản lý, chỉ đạo thực hiện trên các lĩnh vực: phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng toàn diện; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện các tiêu chí về văn hóa xã hội; đảm bảo vệ sinh môi trường;

xây dựng môi trường NT ổn định về chính trị, an toàn về trật tự xã hội; tạo thuận lợi cho KT-XH địa phương phát triển ổn định.

- Huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới:

Đây là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý, qua đó nhằm huy động nguồn lực vật chất, tài chính và cả nguồn lực về tinh thần toàn xã hội để xây dựng NTM, tạo bước chuyển biến đáng kể về cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của cư dân nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt CTMTQG XDNTM giai đoạn 2010- 2020. Đây là một chương trình khung toàn diện nhất để cộng đồng chung sức xây dựng một NTM. Trong đó, huy động nguồn lực thực hiện là vấn đề rất được quan tâm. Theo Quyết định, nguồn vốn ngân sách chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 40% tổng nguồn vốn thực hiện CT MTQG XD NTM, tiếp đến là vốn tín dụng (khoảng 30%), vốn từ các DN và các tổ chức kinh tế khác (khoảng 20%) và huy động đóng góp của cộng đồng dân cư (khoảng 10%). Ngoài ra, từ năm 2017, hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định để lại ít nhất 80% cho ngân sách xã số thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

Năm là, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm:

Kiểm tra, giám sát các hoạt động xây dựng NTM là việc Nhà nước xem xét, đánh giá tình trạng đạt hay không đạt các tiêu chí về XD NTM; đảm bảo việc tuân thủ những quy định của pháp luật trong tổ chức triển khai thực hiện XD NTM theo các quy định, tiêu chí của CTMTQG về XD NTM. Đây là một trong những chức năng, nhiệm vụ cần thiết để thanh

kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chính sách, các thể chế quản lý của nhà nước. Qua đó kịp thời phát hiện những sai sót và ngăn chặn, chấn chỉnh các hành vi sai phạm, kiểm soát các sai lầm, lệch lạc. Đồng thời, xử lý các vi phạm, điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện quá trình xây dựng nông thôn mới cần tiến hành

- + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch và pháp luật của nhà nước về nông thôn mới;

- + Kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực của nhà nước và các nguồn lực khác;

- + Kiểm tra, giám sát việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật; công tác quy hoạch và giám sát về kinh tế, tổ chức sản xuất;

- + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng và việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý nhà nước về XD NTM. Đi đôi với kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, nhân rộng những kinh nghiệm, cách làm hay và những điển hình trong XD NTM; biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình, tạo động lực cho phong trào thi đua chung sức XD NTM [15].

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới

1.3.1. Sự lãnh đạo của Đảng

Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa X đã đề ra Nghị quyết số 26-NQ/TW, đề cập một cách toàn diện quan điểm của Đảng ta về phát triển NNNDNT, trong đó có XD NTM. Nghị quyết khẳng định: NNNDNT có vai trò to lớn, chiếm vị trí quan trọng trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.

Vì vậy, các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH-HĐH. Đó không phải chỉ là nhiệm vụ của nông dân ở khu vực NT mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực hiện đường lối của Đảng, ngày 28/10/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ban hành Chương trình hành động thực 34 hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đã thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình MTQG XD NTM.

Nối tiếp Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, nhiệm kỳ 2011-2016 cũng đã nêu: “Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn, giữ gìn và phát huy nét văn hóa bản sắc của nông thôn Việt Nam” [9].

Thực hiện đường lối của Đảng, thời gian qua phong trào XD NTM ở các địa phương đã thu hút sự tham gia tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và nhân dân, bước đầu làm thay đổi đáng kể diện mạo khu vực NT tại nhiều địa phương, đời sống vật chất và tinh thần của người dân có bước tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, quá trình XD NTM còn bộc lộ nhiều hạn chế. Đây là một chương trình mới nên phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, năng lực thực tiễn của cán bộ các cấp chưa nhiều, công tác chỉ đạo, triển khai còn lúng túng. Trong nhận thức một bộ phận nhân dân vẫn cho rằng xây dựng NTM là dự án do Nhà nước đầu tư, do đó còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, để mọi người dân đều nhận thức được trách nhiệm của mình và sẵn sàng chung sức xây dựng NTM.

1.3.2. Vai trò quản lý và năng lực của bộ máy chính quyền các cấp:

Chương trình MTQG XD NTM là một chương trình tổng hợp bao gồm mọi mặt công tác của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Để thực hiện nội dung đó, Nhà nước phải đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng đề án, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện và kích thích tinh thần nhân dân thực hiện; nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi và hoạch định chính sách trong việc thực hiện các tiêu chí về XD NTM.

XD NTM là một vấn đề phức tạp vì liên quan đến nhiều ngành, nhiều chính sách và hoạt động có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến khu vực nông thôn và đời sống của người dân. Việc triển khai XD NTM mới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đóng vai trò nòng cốt, có tính chất quyết định. Vì vậy, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ chính là vấn đề cần được quan tâm, chú trọng.

1.3.3. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

XD NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò của MTTQ và các đoàn thể quần chúng là hết sức quan trọng. Cùng với chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân chính là nơi tập hợp, đoàn kết, động viên các hội viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, trong đó có chương trình chung sức XD NTM. Do đó, để XD NTM thành công cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt

động của MTTQ và các đoàn thể theo hướng ngày càng đa dạng, thiết thực và hiệu quả.

1.3.4. Sự tham gia chủ động, tích cực của người dân nông thôn

Người dân, nhất là cư dân nông thôn chính là chủ thể trong XD NTM. Thể hiện ở chỗ: người dân trực tiếp tham gia phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp NT; chủ động xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH; tham gia vào quá trình quy hoạch và thực hiện quy hoạch XD NTM; xây dựng và giữ gìn đời sống văn hóa; đảm bảo vệ sinh môi trường; duy trì ổn định về trật tự xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Sự tham gia của người dân, của cộng đồng trong XD NTM là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao tính dân chủ ở NT. Từ đó huy động được cả cộng đồng tham gia tích cực vào các quá trình XD NTM, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương trong nước và những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn triển khai tại địa phương

1.4.1. Tỉnh Nam Định

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010, về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Nam Định đã tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Quyết định. Sau gần 9 năm, Nam Định đã đạt được những thành tựu to lớn về xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh Nam Định có 100% số xã, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trở thành một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước hoàn thành xây dựng nông thôn mới, về đích sớm hơn 1,5 năm so với mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX đề ra. Một số bài học kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới, đó là:

Nam Định đã vận động hiệu quả các hộ nông dân đồng thuận thực hiện công tác “dồn điền, đổi thửa”, tập trung, tích tụ ruộng đất. Để thực hiện tốt nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng NTM, Nam Định xác định “dồn điền, đổi thửa” là công việc khó, phức tạp, nhưng là một khâu quan trọng, mang tính quyết định. Do vậy, ngay từ năm 2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về “dồn điền, đổi thửa” để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Đến hết năm 2015, có 2.976/2.986 thôn, đội hoàn thành việc “dồn điền, đổi thửa”, đạt tỷ lệ 99,7%. Sau “dồn điền, đổi thửa”, hiệu quả to lớn được tạo ra. Các địa phương đã dồn gọn được quỹ đất công ích theo quy hoạch xây dựng NTM và hình thành được các cánh đồng mẫu lớn. Thông qua “dồn điền, đổi thửa”, các cấp ủy, chính quyền đã vận động các hộ gia đình và nhân dân tự nguyện hiến, góp hàng nghìn héc-ta đất nông nghiệp để chỉnh trang, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng và các công trình phúc lợi. Việc tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất của người dân và doanh nghiệp, “dồn điền, đổi thửa” là bước mở đầu quan trọng cho các phong trào xây dựng NTM rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

Hai là, vận động nhân dân tự nguyện hiến đất, góp đất, tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng để thi công các công trình kết cấu hạ tầng.

Nam Định đã vận động được hàng nghìn hộ dân tự nguyện hiến đất, góp đất, tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công các công trình đầu tư cải tạo nâng cấp kết cấu hạ tầng. Bài học này xuất phát từ cách làm của huyện Nghĩa Hưng vào năm 2012, khi được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng để đầu tư cải tạo, nâng cấp công trình giao thông. Cấp ủy, chính quyền các cấp huyện Nghĩa Hưng đã có cách làm sáng tạo, đó là vận động 100% số hộ dân tự nguyện hiến đất, góp đất, tháo dỡ công trình để bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công. Cách làm này mang lại rất nhiều lợi ích, vừa tiết kiệm được chi phí giải phóng mặt bằng, giảm giá thành đầu tư, vừa

đẩy nhanh được tiến độ thi công và đặc biệt là không có khiếu kiện của người dân. Thấy được kết quả tích cực từ cách làm này của huyện Nghĩa Hưng, Nam Định đã áp dụng mô hình này ra toàn tỉnh. Kể từ đó đến nay, hầu hết các công trình đầu tư cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh không phải bỏ chi phí giải phóng mặt bằng (Nam Định gọi đây là giải phóng mặt bằng theo cơ chế xây dựng NTM). Nhờ đó, toàn bộ các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và giao thông nông thôn đến nay đã cơ bản hoàn thành việc đầu tư cải tạo, nâng cấp. Bộ mặt nông thôn đã đổi thay rõ rệt.

Ba là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

Nam Định là một tỉnh có nguồn thu ngân sách không lớn, nếu chỉ dựa vào ngân sách nhà nước thì chắc chắn sẽ không hoàn thành được mục tiêu xây dựng NTM. Đây là bài toán khá nan giải khi tỉnh mới bắt đầu thực hiện mục tiêu xây dựng NTM. Với cách thức vừa học, vừa làm, vừa đúc rút kinh nghiệm, vừa tổng kết thực tiễn, Nam Định đã sớm đề ra quan điểm: Xây dựng NTM trước hết phải xuất phát từ việc khai thác nội lực, từ chính cộng đồng dân cư, với phương châm “*Người dân là chủ thể xây dựng NTM; nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*”. Các xã, thị trấn, các thôn, đội và người dân nông thôn phải chủ động trong xây dựng NTM, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Quan điểm này sau khi được thông qua đã nhận được sự ủng hộ cao của người dân và con em quê hương trong việc huy động các nguồn lực cho xây dựng NTM. Tính đến tháng 7-2019, tổng các nguồn vốn huy động cho xây dựng NTM của tỉnh đạt gần 22.000 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước chỉ chiếm khoảng 26%, còn lại là các nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Bốn là, xây dựng hệ môi trường sinh thái nông thôn.

Nam Định đã thực hiện tốt công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng môi trường sinh thái nông thôn. Xuất phát từ cách làm của Hải Hậu - một trong những huyện được công nhận đạt chuẩn NTM đi đầu trong cả nước là xây dựng mô hình “*Nhà có sổ, phố có tên; đường có điện, có hoa; sông không rác; cán bộ chuyên cần; nhân dân đồng thuận*”, đến nay Nam Định đã nhân rộng mô hình này thành phong trào rộng khắp trên địa bàn nông thôn. Hàng loạt các con đường được các cấp hội, đoàn thể và nhân dân trồng hoa ven đường. Hầu hết các tuyến đường giao thông nông thôn được nhân dân đóng góp đầu tư hệ thống đèn đường chiếu sáng; 100% số xã, thị trấn có các nhà đầu tư đã và đang xây dựng các nhà máy nước sạch; 100% số xã, thị trấn đều có lò đốt rác sinh hoạt. Các dòng sông và kênh mương thường xuyên được dọn dẹp rác thải, đảm bảo được dòng chảy và chất lượng nước.

Trong quá trình xây dựng NTM, Nam Định đã chủ động vận động chức sắc, chức việc các tôn giáo, cùng với các tín đồ và nhân dân tích cực tham gia cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng NTM và bảo vệ môi trường*”. Điển hình là Giám mục Bùi Chu cùng hàng trăm linh mục, chức sắc, chức việc và hàng nghìn giáo dân đã cùng với các địa phương tổ chức các đợt vệ sinh môi trường tại các khu dân cư. Đến nay, phong trào này được nhân rộng sang các chức sắc, tín đồ các tôn giáo khác.

Năm là, chú trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

Cùng với việc vận động nhân dân hiến đất, góp đất xây dựng kết cấu hạ tầng, Nam Định tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong việc dành quỹ đất để xây dựng các khu đô thị trung tâm, các thị trấn, thị tứ, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn với mục tiêu tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân ngay trên mảnh đất quê hương mình, như tiền nhân vẫn nói: “*Ly nông, bất ly hương*”. Từ khi xây dựng NTM đến nay, Nam Định đã đưa và phát triển được trên 5.000 doanh nghiệp về

địa bàn nông thôn. Từ năm 2016 đến nay, hằng năm, thu ngân sách từ nguồn bán đấu giá đất ở các khu đô thị mới thuộc trung tâm các thị trấn, thị tứ bình quân trên 2.000 tỷ đồng/năm. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng cho xây dựng NTM. Chính vì vậy, đến nay số hộ có thu nhập ngoài nông nghiệp ở nông thôn chiếm tỷ lệ trên 80%; thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng 3,5 lần so với trước khi xây dựng NTM; khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn chỉ còn 1,35 lần; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2% [30].

1.4.2. Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Huyện Cam Lộ nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Trị, với diện tích tự nhiên 344,207 km², 09 đơn vị hành chính gồm 8 xã và 01 thị trấn, dân số 46.936 người với 12.482 hộ. Huyện có các tuyến đường giao thông quan trọng đi qua như: Quốc lộ 1A; đường Hồ Chí Minh; đường 9, tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; đường xuyên Á và dự án Đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn; thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị Quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phê duyệt chương trình, trình tự thủ tục công nhận địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, Quyết định UBND tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Đảng bộ và nhân dân huyện Cam Lộ đã đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM mới. Đến nay, huyện có 08/08 xã đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn 9/9 tiêu chí huyện NTM và được Thủ tướng chính phủ tặng bằng công nhận đạt chuẩn huyện NTM đầu năm 2020 (*là huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Trị về đích huyện NTM*). Để làm được điều này, trong 10 năm qua huyện Cam Lộ đã có nhiều cách làm mới, sáng tạo, trong đó nổi bật nhất là vấn đề môi trường:

Huyện Cam Lộ đã triển khai đồng bộ các giải pháp, xác định rõ việc gì nhà nước làm, nhà nước đầu tư, việc gì dân làm, dân góp; xây dựng kế hoạch, lộ trình, giải pháp chỉ đạo cụ thể, nhờ đó tiêu chí môi trường đạt được những kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 98,6%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 72,6%; 100% số cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; 100% số xã đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp; các xã đạt chuẩn tiếp tục có giải pháp nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu; 100% số xã quy hoạch nghĩa trang nhân dân, thực hiện mai táng phù hợp với quy định, có quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang phù hợp từng địa bàn các xã; chất thải rắn trên địa bàn, nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý đúng quy định về bảo vệ môi trường; 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: Huyện Cam Lộ có 01 bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh tập trung với diện tích 53.681m². Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại 08 xã được các tổ, đội thu gom, vận chuyển bằng phương tiện xe ba gác tự chế tập trung tại các bể trung chuyển, sau đó công nhân của HTX Dịch vụ môi trường vận chuyển, bằng cơ giới chuyên dụng về bãi chôn lấp chất thải tập trung của huyện để xử lý. Tại thị trấn Cam Lộ rác phát sinh được công nhân của Hợp tác xã Dịch vụ môi trường trực tiếp thu gom bằng xe chuyên dụng và vận chuyển về bãi chôn lấp tập trung của huyện để chôn lấp.

+ Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có tổ, đội thu gom và phương tiện xe tự chế, gồm 50 tổ, đội thu gom rác thải sinh hoạt ở 105 thôn, bản, khu phố với 118 người làm công tác thu gom và 73 phương tiện vận

chuyển được UBND các xã ra quyết định thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên. Nhìn chung các trang thiết bị phục vụ cho việc thu gom được các tổ, đội thu gom của các xã thường xuyên quan tâm mua sắm bổ sung hàng năm và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển khối lượng rác thải phát sinh thực tế tại địa phương.

+ Công tác vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên, UBND các xã đã chỉ đạo các ngành, đoàn thể ở địa phương thường xuyên kiểm tra công tác vệ sinh môi trường ở các thôn, xóm để đánh giá thi đua hàng năm. Bên cạnh đó, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã tuyên truyền vận động người dân phân loại rác ngay tại gia đình thành rác thải hữu cơ, rác thải vô cơ, rác thải xây dựng... Hầu hết lượng rác thải hữu cơ được xử lý ngay tại hộ gia đình.

- Đối với bao bì thuốc BVTV sau sử dụng: 08 xã, thị trấn đã thực hiện thu gom bao gói thuốc BVTV; xây dựng được 164 bể chứa bao gói thuốc BVTV tại các trục chính ở những cánh đồng của các xã, thị trấn. Huyện giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định, ước tính lượng vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh khoảng 1.167,5 kg/năm.

- Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có 01 trung tâm y tế; 08 trạm y tế xã, thị trấn và 03 phòng khám chữa bệnh. Chất thải y tế phát sinh từ các trạm y tế được thu gom vận chuyển về xử lý tại lò đốt của Trung tâm y tế huyện, xử lý 2 lần/ngày bằng lò đốt Model: KW-20 NEW VERION, công suất 20-30kg/h. Tổng lượng chất thải rắn y tế trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý khoảng 50kg/ngày. Đối với lò đốt rác thải y tế của Trung tâm y tế huyện, Trung tâm đã tiến hành hướng dẫn, tập huấn các cán bộ, công nhân thực hiện thu gom, phân loại đúng, xử lý rác thải y tế theo quy định.

** Đối với Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ trên địa bàn:*

- Chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ trong lĩnh vực dịch vụ, may mặc, chế biến lâm sản... Lượng chất thải phát sinh có thành phần không độc hại hoặc có rất ít, vì vậy một phần được các chủ cơ sở tận dụng, thu gom bán phế liệu, phần còn lại đều đã ký kết hợp đồng thu gom và xử lý

- Toàn huyện có 437 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong đó ở 3 cụm công nghiệp của huyện có 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh. 100% số cơ sở đã có thủ tục môi trường và đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thu gom và xử lý chất thải; đã đăng ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải nguy hại đối với đơn vị có chức năng.

- Các xã trên địa bàn huyện đã có quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung nằm ngoài các khu dân cư tập trung.

- Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp: huyện Cam Lộ có 3 CCN đang hoạt động: các cụm công nghiệp được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

- Bảo vệ môi trường làng nghề: Huyện có 02 làng nghề: làng nghề bún và làng nghề cao dược liệu. Đối với làng nghề dược liệu, chủ yếu nấu cao tại các hộ gia đình, có quy mô nhỏ, phân tán nên các hộ gia đình ký hợp đồng với HTX để thu gom. Tất cả các hộ gia đình trong làng nghề đã có ký kết cam kết bảo vệ môi trường

+ Đối với Làng nghề bún: huyện triển khai dự án xử lý ô nhiễm môi trường tại làng bún; tạo điều kiện di dời 44 hộ dân làm bún ra khỏi khu vực dân cư nhằm xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại làng bún, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường, đẩy lùi dịch bệnh, ổn định đời sống cho nhân dân;

góp phần thực hiện đạt chuẩn tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

** Một số mô hình tiêu biểu về BVMT dựa vào cộng đồng; tự chủ, tự quản hoạt động hiệu quả như:*

- *Mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cam Lộ với tỷ lệ thu gom đạt được khá cao (92,7% đối với chất thải rắn thông thường từ khu dân cư và 88,3% đối với chất thải rắn thông thường từ các chợ).*

- *Xây dựng mô hình hương ước, quy ước bảo vệ môi trường:* để huy động mọi người dân chung tay góp sức bảo vệ môi trường, bằng các hoạt động thiết thực, huyện Cam Lộ đã đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước của thôn làng, xem đây là 1 trong những tiêu chí để xét tặng danh hiệu làng văn hóa, gia đình văn hóa; huy động toàn dân, nòng cốt là các đoàn thể, quần chúng (cựu chiến binh, nông dân, thanh niên, phụ nữ, học sinh...) ra quân vệ sinh môi trường.

- *Mô hình xử lý chất thải phát sinh trong chăn nuôi lợn bằng hầm biogas.* Bằng nguồn vốn sự nghiệp môi trường, UBND huyện đã hỗ trợ cho các hộ gia đình trên địa bàn vùng nông thôn xây dựng các hầm biogas bằng vật liệu composite phục vụ xử lý môi trường chăn nuôi theo hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm (trong đó nhà nước: 40%; nhân dân: 60%) mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, giúp các hộ tận dụng được nguồn chất thải chăn nuôi sau quá trình xử lý bằng hầm biogas làm khí đốt, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

- *Xây dựng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường gắn với từng đối tượng cụ thể.* Hội phụ nữ huyện Cam Lộ có nhiều hoạt động thiết thực nhằm phát huy vai trò chủ lực của phụ nữ trong công tác BVMT, đồng thời, chủ động kết nối, huy động nguồn lực hỗ trợ hội viên phụ nữ

chuyển đổi ngành nghề, phát triển kinh tế. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lồng ghép tuyên truyền về BVMT, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ sinh học vào chăn nuôi bên cạnh đó tổ chức ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải tại các trục đường thôn xóm, khu dân cư, khu vực chợ; vận động hội viên phụ nữ tham gia phát động phong trào “Ngày chủ nhật xanh”... nhằm thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới.

Huyện đoàn Cam Lộ thực hiện các nội dung phong trào xây dựng văn minh đô thị, chung tay, góp sức BVMT quê hương. Tổ chức các hoạt động truyền thông chiến dịch tổng vệ sinh môi trường, tháng Thanh niên, các ngày lễ về môi trường với hình thức đa dạng tạo sức lan tỏa mạnh mẽ đến người dân.

Các mô hình cộng đồng tham gia BVMT đã tạo thành một phong trào thi đua, tự nguyện tham gia công tác vệ sinh môi trường, mang tính khoa học và xã hội hóa cao, đồng thời là cơ hội cho mọi người dân tham gia hoạt động BVMT, tìm ra các giải pháp thiết thực để BVMT, nâng cao chất lượng môi trường khu vực chính nơi người dân sinh sống. Việc triển khai các mô hình này đã nhận được sự ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương, các ngành chức năng và đông đảo nhân dân trên địa bàn huyện Cam Lộ.

1.4.3. Bài học rút ra cho huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

Phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, trong đó người đứng đầu cấp ủy và chính quyền đóng vai trò quan trọng. Bộ máy điều hành, giúp việc Chương trình các cấp phải được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống, quy định rõ ràng chức năng,

nhiệm vụ và có sự phân công cụ thể. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, phương pháp, cách làm, các cơ chế chính sách của Nhà nước trong thực hiện Chương trình. Tiếp tục phát động các phong trào thi đua gắn với phong trào chung sức xây dựng NTM để khơi dậy, thắt chặt tinh thần đoàn kết trong nhân dân.

Kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Tập trung xây dựng, nhân rộng các dự án, mô hình phát triển sản xuất có liên doanh liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

Việc đầu tư xây dựng các công trình NTM phải xác định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm và phù hợp với khả năng huy động mọi nguồn lực của địa phương, tránh chạy theo thành tích để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Địa phương nào mà nhận thức của người dân được nâng cao thì ở đó Chương trình được thực hiện có hiệu quả. Phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân, công khai minh bạch tất cả các khoản trong xây dựng NTM theo quy định. Huy động nguồn lực trong dân phải có sự hợp bàn, thống nhất với người dân, đảm bảo dân chủ, tự nguyện, tránh huy động quá sức dân [28].

Tiểu kết chương 1

Chương I của luận văn đã đề cập đến những nội dung sau:

Một là, cơ sở khoa học xây dựng nông thôn mới của luận văn đã tập trung làm rõ các khái niệm:

Khái niệm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nông thôn mới. Khái niệm quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về nông thôn mới.

Nói rõ sự cần thiết phải xây dựng nông thôn mới, mục tiêu xây dựng nông thôn mới, trong đó, tập trung các vấn đề đảm bảo nguyên tắc xây dựng nông thôn mới theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của TTCP.

Phân tích, làm rõ Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới như: *Hoạch định chiến lược, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước và chính sách về xây dựng nông thôn mới; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo thực hiện các nội dung về xây dựng nông thôn mới; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.*

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới: Vai trò sự lãnh đạo của Đảng; quản lý nhà nước và năng lực của bộ máy chính quyền các cấp; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; sự tham gia chủ động, tích cực của người dân.

Hai là, kinh nghiệm về quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, huyện đạt chuẩn NTM, nhất là đơn vị có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tương đồng với tỉnh Quảng Trị, huyện Hải Lăng. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cho huyện tham khảo, vận dụng, quản lý.

Chương 2

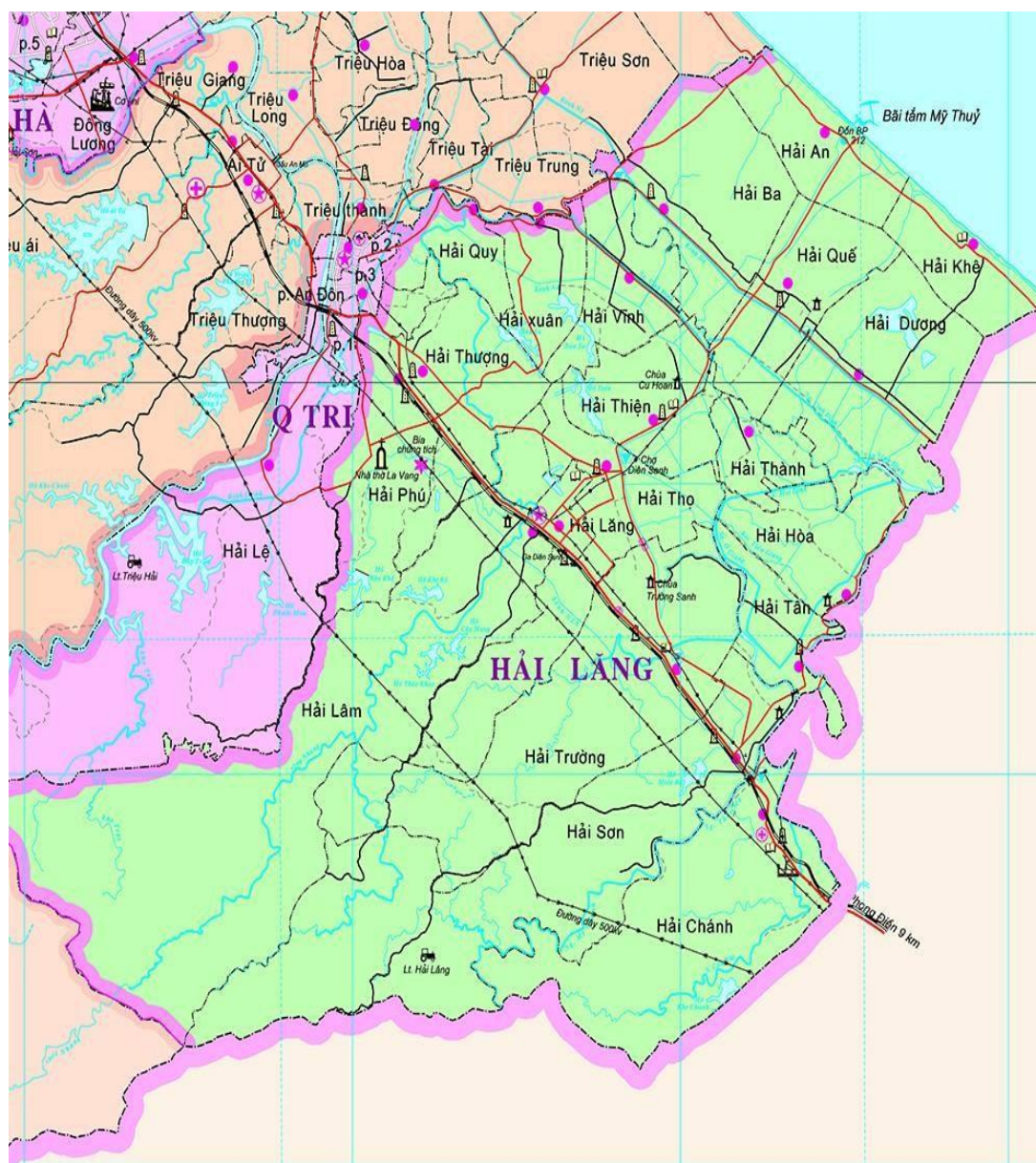
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Khái quát chung về huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

*** Vị trí địa lý**

Hải Lăng là huyện phía Nam của tỉnh Quảng Trị, thị trấn huyện cách Thành phố Đông Hà về phía Nam khoảng 21km, cách Thành phố Huế về phía Bắc khoảng 50km. Phía Bắc giáp với huyện Triệu Phong và thị xã Quảng Trị, phía Nam giáp với huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Đông giáp với biển Đông, phía Tây giáp với huyện Đakrông. Huyện Hải Lăng có tổng diện tích tự nhiên là 42.692,53 ha, chiếm 8,99% diện tích cả tỉnh. Toàn huyện có 20 đơn vị hành chính, bao gồm 19 xã và 1 thị trấn. Huyện có vị trí địa lý và kinh tế rất thuận lợi, có các trục giao thông quốc gia rất quan trọng chạy qua như quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc - Nam, có khu Kinh tế Đông Nam, Cảng biển. Hải Lăng là nơi hội tụ đầy đủ điều kiện tiềm năng, thế mạnh về biển, đồng bằng, gò đồi, rừng núi.



Hình 2.1. Bản đồ hành chính huyện Hải Lăng

(Nguồn: Trang thông tin điện tử huyện Hải Lăng)

**** Địa hình***

Đặc trưng của địa hình Hải Lăng nghiêng từ Tây sang Đông. Vùng đồi núi và ven biển bị chia cắt bởi các sông, suối, một số khu vực đồng bằng có địa hình thấp trũng. Huyện có 03 dạng địa hình đặc trưng:

Vùng gò đồi và núi: Đa phần các khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam, gồm xã Hải Phú, Hải Lâm, Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Trường, núi thấp có độ cao bình quân 100-150m, vùng gò đồi có độ cao bình quân 40-50m.

Vùng đồng bằng: Nằm giữa gò đồi và cồn cát, bãi cát. Bao gồm địa bàn các xã: Hải Quy, Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Thiện, Hải Thành, Hải Tân, Hải Hòa, thị trấn Hải Lăng và một phần của các xã: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Thọ, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Dương, Hải Quế, Hải Ba.

Vùng cồn cát, bãi cát ven biển: Nằm giữa đồng bằng và biển Đông, tập trung phía Đông đường tỉnh lộ 68. Bao gồm các xã Hải An, Hải Khê và một phần của các xã Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương. Đất đai chủ yếu là đất cồn cát, bãi cát.

**** Tài nguyên***

Đất đai: Toàn huyện có 11 nhóm đất, bao gồm: Nhóm đất cồn cát biển 6.641ha; nhóm đất cát biển 4.840ha; nhóm đất phù sa được bồi và phù sa ngòi suối 2.643ha; nhóm đất phù sa không được bồi 1.193ha; nhóm đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng và đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước 723ha; nhóm đất phù sa Glây, đất thung lũng dốc tụ, đất lầy 8.495ha; nhóm đất than bùn 23ha; nhóm đất xám bạc màu, đất nâu vàng trên phù sa cổ 1.502ha; nhóm đất nâu tím trên đá sét tím, đất đỏ vàng trên đá biến chất và đá sét 16.049ha; nhóm đất vàng đỏ trên đá mác ma axít và vàng nhạt trên đá cát 3.026ha; nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá 780ha.

Rừng: Loài cây rừng trồng chủ yếu là keo, bạch đàn, thông, phi lao, muồng và một số cây bản địa khác. Diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 22.716,35ha, trong đó: đất rừng sản xuất 14.590,42ha; đất rừng phòng hộ 8.125,93ha... Diện tích đất rừng phòng hộ này cơ bản được bảo vệ, khoanh nuôi ổn định và phát triển.

Biển và nuôi trồng thủy sản: Hải Lăng có bờ biển dài khoảng 14km, dọc theo 2 xã Hải An và Hải Khê. Ngư trường đánh bắt rộng và không bị giới hạn trong phạm vi lãnh thổ của địa phương. Tuy nhiên vùng biển Hải Lăng là bãi ngang (không có cửa lạch làm nơi neo đậu tàu thuyền), do đó việc tổ chức khai thác hải sản với quy mô lớn gặp khó khăn. Trong tương lai, tại đây sẽ hình thành Cảng biển Mỹ Thủy thuộc khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bên cạnh tài nguyên biển, Hải Lăng còn có 556,7ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đã đưa vào sử dụng. Ngoài ra, còn có vùng đất cát ven biển khá rộng lớn, có thể khai thác sử dụng nuôi tôm thâm canh trên cát theo quy trình công nghiệp.

Khoáng sản: Tài nguyên khoáng sản của Hải Lăng nghèo nàn và phần lớn thuộc nhóm không kim loại, chủ yếu là các khoáng sản Than bùn, silicat, titan, đất sét, ngoài ra còn một số khoáng sản khác như cuội, sỏi, cát xây dựng, phân bố rải rác ở nhiều nơi trong huyện, trong đó tập trung nhiều ở dọc theo các con sông lớn.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

*** Tình hình dân số và lao động**

Dân số và lao động là yếu tố đóng vai trò then chốt trong sản xuất nông nghiệp, các nghề, làng nghề ở nước ta. Kết quả tại Bảng ... cho thấy, năm 2019 huyện Hải Lăng có dân số trung bình là 86.683 người, mật độ dân số 204 người/km². Trong đó, dân số nam chiếm 49,91%.

**Bảng 2.1. Tình hình dân số và lao động của huyện Hải Lăng
giai đoạn 2017 - 2019**

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	So sánh %	
					18/17 2015	19/18 2016
1. Tổng dân số	Người	86.397	86.629	86.683	100,27	100,06
2. Phân theo giới tính						
Nam	Người	43.288	43.410	43.421	100,28	100,03
Nữ	Người	43.109	43.219	43.262	100,26	100,10
3. Phân theo khu vực						
Thành thị	Người	2.883	2.935	2.947	101,80	102,41
Nông thôn	Người	83.514	83.694	83.736	100,22	100,05
4. Tổng số lao động		42.653	42.769	42.969	100,27	100,47
Nam	Người	21.450	21.479	21.657	100,14	100,83
Nữ	Người	21.203	21.290	21.312	100,41	100,10
5. GDP bình quân/đầu người	Triệu đồng	19,70	21,64	25,4	109,85	117,78

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hải Lăng, năm 2019)

Qua bảng 2.1 cho ta thấy, dân số trung bình của huyện Hải Lăng trong giai đoạn 2017 - 2019 có sự biến động rõ rệt theo chiều hướng tăng dần, cơ cấu dân số theo khu vực có thay đổi lớn. Hải Lăng một huyện có quy mô dân số tăng nhanh, năm 2017 là 86.397 người, đến năm 2019 dân số huyện Hải Lăng là 86.683 người trên diện tích 425,134 km². Mật độ dân số trung bình là 204 người/km². Trong thời gian qua ở huyện đã triển khai chiến dịch truyền thông dân số và cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai

đạt 95% kế hoạch. Đã lồng ghép tốt các nội dung về dân số vào hoạt động của các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức xã hội; triển khai có kết quả mô hình xã, phường, tổ dân phố không có người sinh con thứ 3 trở lên gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tỷ lệ tăng tự nhiên cao, xu hướng đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

Tỷ lệ nam nữ chênh lệch không đáng kể. Tỷ lệ nam nữ trong năm 2019 là 50,09 - 49,91%. Số người nằm trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi đến 60 tuổi) chiếm 49,36% trong tổng số dân huyện Hải Lăng, nguồn lao động chủ yếu là lực lượng lao động trẻ, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật không đồng đều. Lực lượng lao động phổ thông vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn hơn. GDP bình quân/đầu người năm 2019 đạt 25,4 triệu đồng tăng 15,53% so năm 2016 là 21,64. GDP bình quân/đầu người năm 2018 tăng 9,85% so với năm 2017 là 19,7 triệu đồng. Qua đó phản ánh được kết quả sản xuất tính bình quân đầu người của huyện tăng dần qua các năm. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm giảm 2,83%, tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng lao động bình quân 39,57% so với tổng dân số.

*** Tình hình phát triển kinh tế**

Tổng giá trị sản xuất trong giai đoạn 2017 - 2019 có xu hướng ngày càng tăng nhanh. Tổng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản năm 2018 đạt 1.135.680 triệu đồng, tăng 4,35% so với cùng kỳ năm 2017, năm 2019 đạt 1.213.778 triệu đồng, tăng 6,88% so với cùng kỳ năm 2018. Giá trị sản xuất ngành CN - XD năm 2018 đạt 809.698 triệu đồng, tăng 21,76% so với cùng kỳ năm 2017, năm 2019 đạt 976.622 triệu đồng, tăng 20,62% so với cùng kỳ năm 2018. Giá trị sản xuất ngành TM - DV năm 2018 đạt 890.628 triệu đồng, tăng 17,46% so với cùng kỳ năm 2017, năm 2019 đạt 1.015.904 triệu đồng, tăng 14,07% so với cùng kỳ năm 2018. Về tổng quan, tổng giá trị sản xuất tất cả các ngành trên địa bàn huyện trong năm

2019 tăng 13,06% so với năm 2017 và năm 2018 tăng 12,92% so với năm 2017, cụ thể thể hiện ở bảng 2.2.

**Bảng 2.2. Cơ cấu giá trị sản xuất của huyện Hải Lăng giai
đoạn 2017 - 2019**

Giá trị sản xuất	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh (%)	
	Tr.đồng	%	Tr.đồng	%	Tr.đồng	%	18/17	19/18
TỔNG	2.511.558	100	2.836.006	100	3.206.334	100	112,92	113,06
I. Nông, lâm, thủy	1.088.362	43,33	1.135.680	40,05	1.213.778	37,86	104,35	106,88
1. Nông	877.482	34,94	893.555	31,51	930.742	29,03	101,83	104,16
2. Lâm	79.432	3,16	86.581	3,05	98.120	3,06	109,00	113,33
3. Thủy	131.448	5,23	155.544	5,48	184.916	5,77	118,33	118,88
II. TTCN	664.972	26,48	809.698	28,55	976.622	30,46	121,76	120,62
1. Xây dựng	148.941	5,93	153.304	5,41	170.260	5,31	102,93	111,06
2. Tiểu thủ	516.031	20,55	656.393	23,14	806.362	25,15	127,20	122,85
III. TM –	758.224	30,19	890.628	31,40	1.015.904	31,68	117,46	114,07

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Hải Lăng, năm 2019)

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn trong thời gian qua tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện tốt công tác quy hoạch theo quy định, huyện Hải Lăng đã mời các chuyên gia, đơn vị tư vấn hỗ trợ, giúp đỡ các xã lập Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2012, UBND huyện đã hoàn thành việc phê duyệt đồ án quy hoạch và đề án xây dựng

nông thôn mới 19/19 xã; chỉ đạo nghiêm ngặt, công khai quy hoạch tại trụ sở UBND xã, nhà sinh hoạt cộng đồng xã, thôn để người dân được biết.

Từ năm 2014, trong quá trình thực hiện nhận thấy, nguồn lực xây dựng nông thôn mới của các xã vẫn còn nhiều khó khăn, khó có thể đáp ứng nhu cầu nguồn lực theo Đồ án quy hoạch, đề án xây dựng NTM đã ban hành, do đó huyện đã chỉ đạo thành lập các 4 Tổ gồm: 02 Tổ hướng dẫn lập Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới huyện; 02 Tổ thẩm định Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới huyện đến từ đại diện các phòng, ban chuyên môn của huyện để phối hợp, giúp đỡ xã trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung Đồ án quy hoạch và Đề án NTM. Đến cuối năm 2014, công tác điều chỉnh, bổ sung đã hoàn thành.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã ban hành quy chế quản lý thực hiện quy hoạch của tất cả các xã trên địa bàn huyện đảm bảo việc đầu tư xây dựng NTM theo quy hoạch đã được duyệt.

Hiện nay, huyện tiếp tục chỉ đạo các xã tiến hành rà soát, đặc biệt là các xã: Hải Định (sáp nhập từ xã Hải Thiện và xã Hải Thành), xã Hải Phong (sáp nhập từ xã Hải Tân và xã Hải Hòa), xã Hải Hưng (sáp nhập từ xã Hải Xuân và xã Hải Vĩnh) để xây dựng quy hoạch giai đoạn 2020-2025.

2.2.2. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

Hàng năm, trên cơ sở nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM thông qua việc triển khai các dự án phát triển sản xuất, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, VPĐP NTM huyện hướng dẫn các xã hướng dẫn cho người dân đăng ký, tham gia thực hiện dự án. Đến nay, đã có 22 dự án, mô hình được triển khai với tổng kinh phí thực hiện là 10.514 triệu đồng (trong đó: Nguồn vốn NTM hỗ trợ 2.257 triệu đồng).

Công tác tích tụ ruộng đất được tăng cường, toàn huyện đã tích tụ lên 53,2 ha. Chỉ đạo thực hiện xây dựng cánh đồng lớn, đến nay đã thực hiện được 1.364 ha, diện tích được tích tụ tối thiểu 20 ha/cánh đồng, chủ yếu sản xuất các giống lúa: Thiên ưu 8, NA2, KH1, HN6,...; liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa hữu cơ với tổng diện tích 104,07 ha¹. Chỉ đạo Liên hiệp HTX nông sản an toàn Hải Lăng tổ chức sản xuất và chế biến để tạo sản phẩm “*Gạo Hải Lăng*” với 8 đơn vị tham gia sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ Quế Lâm. Tích cực triển khai công tác tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng thâm canh, tạo sản phẩm hàng hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục chỉ đạo phát triển một số mô hình sản xuất tập trung có hiệu quả tại vùng cát: Sản xuất ném xen sắn vùng cát tại Hải Dương; trồng mướp đắng tập trung vùng cát Hải Ba, Hải Dương; thành lập Tổ hợp tác Nông sản sạch, An toàn Thuần Việt tại xã Hải Dương; một số vùng trồng rau gia vị tập trung sản xuất quanh năm tại Hải Thọ, Hải Quy duy trì phát triển tốt.

Tập trung chỉ đạo phát triển các loại cây ăn quả có múi, tổng cây cam trồng tập trung toàn huyện đến nay là 60,5 ha², riêng tại vùng K4, tổng diện tích 39 ha, đến nay có 16 ha cho thu hoạch, hiệu quả kinh tế cao (*giá trị sản lượng đạt 300-400 triệu đồng/ha*). Chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Đề án phát triển vùng trồng cam tập trung gắn với du lịch sinh thái tại vùng Khe Khế, xã Hải Phú với diện tích 1.445.413 m².

Ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp bù đắp giá trị thiếu hụt do ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi năm 2019, trong đó: tập trung hỗ trợ, khuyến khích trồng ngô, khoai lang, nấm và gà, vịt để bù đắp

¹ Trong đó: Liên kết với Công ty Cổ phần nông sản hữu cơ Quảng Trị 50,6 ha; Liên hiệp HTX Nông sản an toàn Hải Lăng 35,4 ha và mô hình sản xuất SRI 18,07 ha.

² Hải Phú 39 ha; Hải Thượng 4,2 ha; Hải Lâm 6,3 ha; Hải Thọ 2,0 ha; Hải Sơn 9 ha.

giá trị thiếu hụt, tạo thu nhập cho người nông dân. Triển khai các dự án nuôi tôm 2 giai đoạn tại Hải An, Hải Khê, diện tích 2,5 ha.

Chỉ đạo thực hiện và hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp theo chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi của tỉnh, huyện tại Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND huyện Hải Lăng.

Chỉ đạo các xã, HTX nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, xây dựng các mô hình sản xuất có liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản. Thành lập mới 2 THT (*THT bánh tét mặt trắng Đại An Khê, Hải Thượng; THT thu mua hải sản Hải An*), đến nay có 45 THT đang hoạt động; các THT đã góp phần giải quyết một số nhu cầu trong sản xuất và tiêu thụ. Các THT tự chủ động hơn trong khâu tổ chức sản xuất và tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm, kết nối các thành viên trong phát triển kinh tế tập thể. Đối với làng nghề, hiện có 9/11 làng nghề được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho 2.894 lao động nông thôn.

2.2.3. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

Việc quản lý về phát triển kinh tế xã hội được thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đối với các công trình xây dựng nông thôn mới thuộc các công trình nhóm C, quy mô nhỏ đảm bảo các tiêu chí quy định tại Điều 2, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và danh mục loại dự án ban hành kèm theo Quyết định số 1862/QĐ- UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện chỉ đạo các xã trên địa bàn áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, trong đó tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu thực hiện.

Hàng năm, chỉ đạo phòng TC-KH huyện, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện thẩm định cơ cấu nguồn vốn đầu tư các công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị trước khi đầu tư.

Chỉ đạo việc đầu tư đảm bảo theo đồ án quy hoạch của từng xã đã được UBND huyện phê duyệt với khả năng nguồn vốn phân bổ của cấp trên và tại địa phương, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Kết quả thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ *Giao thông*: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện đã cứng hóa 40,049/51,332 km (*đạt 78,02%*); đường trục thôn 103,934/177,06 km (*đạt 58,70%*); đường ngõ, xóm 119,261/258,004 km (*đạt 44,22%*); đường nội đồng 78,47/294,07 km (*đạt 26,68%*).

+ *Thủy lợi*: Nâng cấp 04 công trình hồ đập gò đồi. Xây dựng hệ thống tiêu úng Phương Hải, kênh tách nước cát Hải Dương (*chiều dài 1,726 km*); kênh tách nước cát Hải Quế-Hải An (*chiều dài 3,35 km*); đê cát Ba-Quế-Dương (*chiều dài hơn 3,816 km*); Kè tả sông Ô Lâu 1,9 km, Kè tả Ô Giang 0,598 km; Kè hộ chân bờ sông Ô Lâu 2,1 km; kiên cố hệ thống tiêu úng Đông Dương (*chiều dài 1,35 km*); nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới 20 trạm bơm. Tiếp nhận, kiên cố hóa hơn 80,54 km kênh mương, đưa tổng chiều dài kênh mương được KCH đạt 164,04 km.

+ *Điện*: Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án (*KFW, ADB, DEP,...*) để đầu tư, cải tạo đường dây điện chính; xây dựng mới các trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu người dân. Xã hội hóa 100% thôn hoàn thành kéo điện thấp sáng đường quê với tổng chiều dài 312,30 km (*6.474 bóng điện*).

+ *Trường học*: Toàn huyện có 26/39 trường đạt chuẩn quốc gia (*MN 15/20, TH&THCS 11/19*), đạt tỷ lệ 66,7%; có 15 xã được công nhận đạt

tiêu chí số 5 (*Trường học có CSVN, thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia*)³, đạt tỷ lệ 78,9%, trong đó có 7 xã đạt 100% trường học đạt chuẩn quốc gia⁴.

+ *Cơ sở vật chất văn hóa*: Có 16 nhà văn hóa xã⁵, 87/92 thôn có nhà văn hóa, 92/92 thôn đã quy hoạch đất để xây dựng khu thể thao, trong đó 28/92 thôn có khu thể thao đạt chuẩn.

+ *CSHT thương mại nông thôn*: Có 14 chợ đã đầu tư xây dựng, 12 chợ đưa vào sử dụng, 2 chợ Hải Xuân, Cổ Lũy đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với 7 xã không có chợ⁶ đã có quy hoạch xây dựng điểm TMDV, riêng 2 xã Hải Thượng, Hải Vĩnh đã xây dựng điểm TMDV và đưa vào sử dụng.

+ *Thông tin và truyền thông*: Có 17/20 điểm bưu điện văn hóa xã, 100% thôn kết nối mạng internet, 15/20 xã, thị trấn có Đài truyền thanh cơ sở (*trong đó: 7 Trạm hữu tuyến, 8 Trạm vô tuyến FM, 54 Trạm truyền thanh HTX*).

+ *Y tế*: Có 17/20 Trạm y tế đã được xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; 100% Trạm y tế có nguồn điện lưới ổn định, nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; các Trạm y tế được trang bị máy tính kết nối Internet. Dự kiến năm 2019, xây mới thêm Trạm y tế Hải Sơn để về đích NTM.

2.2.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

2.2.4.1. Giáo dục

Hiện nay, có 15/15 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 11/15 xã đạt (gồm các xã: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Trường,

³ Còn 4 xã chưa công nhận: Hải Chánh, Hải Thiện, Hải An, Hải Khê.

⁴ Hải Phú, Hải Thượng, Hải Vĩnh, Hải Tân, Hải Sơn, Hải Quy, Hải Trường

⁵ Hải Thành, Hải Khê, Hải Quy chưa có nhà văn hóa.

⁶ Hải Vĩnh, Hải Thiện, Hải Thành, Hải Lâm, Hải Quy, Hải Sơn, Hải Thượng.

Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Phong, Hải Quy, Hải Ba, Hải Quế, Hải Khê). Còn 04 xã chưa gồm: Hải Định, Hải Hưng, Hải Dương, Hải An.

-Các xã đã đạt chuẩn cơ sở vật chất trường Mầm non: có 13/15 Xã (gồm các xã: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Định, Hải Quy, Hải Hưng, Hải Dương, Hải Ba, Hải Quế, Hải Khê). Các xã chưa đạt chuẩn cơ sở vật chất trường Mầm non: 02/15 (gồm các xã: Hải Chánh, Hải An).

-Các xã đã đạt chuẩn cơ sở vật chất trường TH&THCS: có 10/15 (gồm các xã: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Quy, Hải Dương, Hải Ba, Hải Quế). Các xã chưa đạt chuẩn cơ sở vật chất trường TH&THCS: 05/15 (gồm các xã: Hải Chánh, Hải Định, Hải Hưng, Hải An, Hải Khê).

2.2.4.2. Y tế

Thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia năm 2019 và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Huy động nguồn lực để xây dựng Trạm y tế xã Hải Sơn đạt chuẩn NTM. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển BHYT, đến nay tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 92%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD 4,8%.

Tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn, kết quả đã kiểm tra 193/480 cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ ăn uống, phát hiện và xử lý 6 cơ sở vi phạm.

2.2.4.3. Xây dựng đời sống văn hóa

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn văn hoá NTM, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Đến nay, có 98/98 làng, thôn chiếm 100%, 138/138 cơ quan, đơn vị chiếm 100% và 93,5 hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa. Có 63,1% xã đạt chuẩn văn hóa NTM.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư các thiết chế văn hóa, đến nay 16/20 xã, thị trấn và 92/98 làng, thôn có nhà văn hóa. Tỷ lệ dân số tập thể dục thể thao thường xuyên 36,52%; tỷ lệ hộ gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên 25,43%.

2.2.4.4. Nước sạch và vệ sinh môi trường

Công tác vệ sinh môi trường trong được tiếp tục quan tâm. Nhiều cuộc phát động thực hiện phong trào chỉnh trang nông thôn, ngày NTM diễn ra thường xuyên đã huy được đông đảo sự tham gia của các tổ chức Hội cơ sở và nhân dân.

Ban hành kế hoạch phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2025. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng việc phân loại rác thải tại nguồn; duy trì hoạt động 75 Tổ thu gom rác thải tại các xã và Trung tâm MTĐT huyện; có 15/20 Trạm y tế có lò đốt rác thải y tế. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,85% (trong đó, tỷ lệ sử dụng nước máy 46,52%), tỷ lệ hố xí tự hoại, bán tự hoại 97%.

2.2.5. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội và an ninh, trật tự xã hội

2.3.5.1. Hệ thống chính trị

**** Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới:***

Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể tiếp tục phối hợp thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thường xuyên được chú trọng. 100% cán bộ, công chức tham gia tích cực các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh tổ chức. Hiện nay, cán bộ, công chức có 393 người (cán bộ chuyên trách 199 người, công chức 194 người).

**** Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công:***

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU và Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 3245/CTr-UBND của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019.

Thành lập Đoàn kiểm tra việc sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn huyện và đoàn kiểm tra cải cách hành chính.

Tiếp tục khảo sát, lấy ý kiến của người dân đến giao dịch tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã và lập phiếu khảo sát lấy ý kiến của người dân đến giao dịch tại bộ phận một cửa cấp huyện.

Phối hợp với Liên đoàn lao động huyện tổ chức Hội thi về cải cách hành chính giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

**** Bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân***

Tổ chức các Hội nghị, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn huyện với hơn 1.200 người tham gia. Tăng cường kiểm tra công tác tư pháp. Kiện toàn Hội đồng đánh giá, tiếp cận pháp luật huyện; kiểm tra công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và công tác Tư pháp tại các xã đăng ký về đích NTM năm 2019.

2.2.5.2. An ninh, trật tự xã hội

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch của BTV Huyện ủy về công tác quốc phòng, an ninh.

Chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự huyện tăng cường công tác nắm tình hình, tham mưu giải quyết, xử lý các vụ việc nhạy cảm, phức tạp về ANTT như: vấn đề tranh chấp đất đai, địa giới hành chính, công tác quản lý đất đai và xây dựng trong vùng quy hoạch KKT Đông Nam; việc người dân

làng Ba Khê xây dựng âm hồn trên vùng đất cát thuộc làng Văn Vận, xã Hải Quy... Chỉ đạo tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật của người dưới 18 tuổi trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020, nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý, giáo dục đến năm 2025.

2.2.6. Kết quả huy động nguồn lực

Huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành cấp huyện, các xã xây dựng kế hoạch cũng như các giải pháp để kêu gọi, huy động các nguồn lực, đóng góp sức người, sức của; mời gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất; xã hội hoá xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo huy động nguồn vốn từ các chương trình, dự án vay vốn của các ngân hàng, hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, dự án của các tổ chức phi Chính phủ,... để lồng ghép xây dựng NTM. Trong giai đoạn từ năm 2010-2019, tổng nguồn vốn huy động được là **2.552.515,04** triệu đồng, cụ thể:

Ngân sách Trung ương: 84.744,15 triệu đồng, trong đó: Vốn ĐTPT (bao gồm TPCP): 73.232,15 triệu đồng; vốn SN: 11.512 triệu đồng.

Ngân sách tỉnh: 139.915,90 triệu đồng.

Ngân sách huyện: 213.312,19 triệu đồng.

Ngân sách xã: 77.050,75 triệu đồng.

Vốn lồng ghép: 928.794,45 triệu đồng.

Vốn tín dụng: 605.139 triệu đồng

Vốn doanh nghiệp, HTX: 191.882 triệu đồng

Vốn huy động cộng đồng: 183.722,20 triệu đồng

Vốn khác: 127.954,40 triệu đồng.

**Bảng 2. Tổng hợp kết quả huy động nguồn lực thực hiện
chương trình năm 2019**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động năm 2019	Kế hoạch năm 2020
	TỔNG SỐ	232,112	232,112	255,323
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	24,048	24,048	26,453
1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2	Đầu tư phát triển	19,457	19,457	21,403
3	Sự nghiệp	4,591	4,591	5,050
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	21,960	21,960	24,156
1	Tỉnh	1,920	1,920	2,112
2	Huyện	4,589.8	4,590	5,049
3	Xã	15,450	15,450	16,995
III	VỐN LÒNG GHÉP	60,904	60,904	66,994
IV	VỐN TÍN DỤNG	84,700	84,700	93,170
V	VỐN DOANH NGHIỆP	-	-	-
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	40,500	40,500	44,550
1	Tiền mặt	7,000	7,000	7,700
2	Ngây công và hiện vật quy đổi	33,500	33,500	36,850

2.2.7. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

2.2.7.1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới

-Huyện Hải Lăng có 12/19 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 63,16% gồm: Hải Thượng, Hải Phú (năm 2015); Hải Tân, Hải Lâm (năm 2016); Hải Hòa, Hải Quế (năm 2017); Hải Dương, Hải Vĩnh, Hải Thọ (năm 2018); Hải Sơn, Hải Trường, Hải Ba (năm 2019).

-Sau khi sáp nhập (01/3/2020), Hải Lăng có 8/15 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 53,33%, phần đầu cuối năm 2020 có thêm 2 xã (Hải Quy, Hải Hưng) đạt chuẩn NTM nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn huyện lên 11/15 xã, tỷ lệ 73,33%.

Bảng 2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

TT	MỤC TIÊU	Kết quả thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	16.32	17.05	18.47	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	12.5	13.5	16	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	6	9	15	Năm 2019, có 12 xã đạt 19 tiêu chí, trong đó xã Hải Thượng, Hải Phú bị sụt tiêu chí
	Số xã đạt 19 tiêu chí	9	10	15	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	1	1	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	2	0	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	1	0	3	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	4	2	0	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	2	2	0	

TT	MỤC TIÊU	Kết quả thực	Thực hiện năm	Kế hoạch năm	Ghi chú
	Số xã đạt 13 tiêu chí	1	1	0	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	2	1	0	
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
	Số xã đạt tiêu chí số 1	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 2	11	15	18	
	Số xã đạt tiêu chí số 3	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 4	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 5	14	14	18	
	Số xã đạt tiêu chí số 6	12	14	18	
	Số xã đạt tiêu chí số 7	19	18	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 8	18	18	18	
	Số xã đạt tiêu chí số 9	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 10	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 11	16	17	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 12	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 13	12	13	17	
	Số xã đạt tiêu chí số 14	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 15	15	18	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 16	19	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 17	10	15	17	
	Số xã đạt tiêu chí số 18	15	13	17	
	Số xã đạt tiêu chí số 19	16	17	19	

2.2.7.2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới

Theo kết quả rà soát, đánh giá Bộ tiêu chí huyện NTM tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay huyện đạt 4/9 tiêu chí, 7/14 chỉ tiêu gồm: tiêu chí số 3 (*Thủy lợi*), tiêu chí

số 4 (Điện), tiêu chí số 8 (An ninh, trật tự xã hội), tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới); 5/9 tiêu chí, 7/14 chỉ tiêu chưa đạt gồm: tiêu chí số 1 (Quy hoạch), tiêu chí số 2 (Giao thông), tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục), tiêu chí số 6 (Sản xuất) và tiêu chí số 7 (Môi trường), các chỉ tiêu chưa đạt cụ thể:

- Tiêu chí số 1 (Quy hoạch): có 1/1 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 1.1 (Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt).

- Tiêu chí số 2 (Giao thông): có 1/2 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 2.2 (Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch).

- Tiêu chí số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục): có 2/3 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn gồm: chỉ tiêu 5.2 (Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động VH TT kết nối với các xã có hiệu quả) và chỉ tiêu 5.3 (Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn).

- Tiêu chí số 6 (Sản xuất): có 1/1 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 6.1 (Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện).

- Tiêu chí số 7 (Môi trường): có 2/2 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn gồm: chỉ tiêu số 7.1 (Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn) và chỉ tiêu 7.2 (Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường).

Bảng 2. Báo cáo số liệu thực hiện chỉnh trang nông thôn

TT	Xã	Thấp sáng đường quê				Mở rộng/nâng cấp đường giao thông											
		Số thôn thực hiện	Tổng số bóng	Tổng số m	Kinh phí	Đường trục thôn				Đường ngõ, xóm				Đường nội đồng			
						Km đường làm mới BTH	Km đường nâng cấp	Km đường được mở rộng theo chuẩn	Số m2 dân hiến đất	Km đường làm mới BTH	Km đường nâng cấp	Km đường được mở rộng theo chuẩn	Số m2 dân hiến đất	Km đường làm mới	Km đường nâng cấp	Km đường được mở rộng theo chuẩn	Số m2 dân hiến đất
1	Hải Thượng							250									
2	Hải Phú																
3	Hải Lâm	5	15		15			300	300	800	300	600		300			250
4	Hải Ba	4	135	6290	185.6	2100				540				1019			
5	Hải Tân	3	45	1600	135							260	120	740			350
6	Hải Quy																
7	Hải Xuân	1	30	2000	80		500		520	550		550	500	640			

[illegible]

2.3. Đánh giá chung về tình hình thực hiện quản lý Nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

2.3.1. Những kết quả nổi bật đạt được trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

Bộ máy điều hành, quản lý được thành lập có hệ thống với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hoạt động có hiệu quả tạo nên nhiều bước đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình. Là huyện đầu tiên của tỉnh hoàn thành việc phê duyệt đồ án quy hoạch, đề án XD NTM.

Công tác dân vận được đẩy mạnh, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, hiểu biết của cán bộ, người dân về NTM. QCDC trong XD NTM được triển khai sâu rộng tạo sự đồng thuận của người dân trong việc huy động nguồn lực do đó đã tranh thủ, lồng ghép để xây dựng CSHT bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM hằng năm ngày càng được nâng cao.

Có sự sáng tạo, cách làm mới trong XD NTM mang tính chất đặc thù, phù hợp với thực tiễn tại địa phương: Ban hành danh mục công trình áp dụng cơ chế đặc thù xây dựng NTM; hướng dẫn tạm thời đánh giá các tiêu chí NTM; ban hành Kế hoạch “*Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới*”; triển khai thực hiện phong trào “*chinh trang nông thôn*” với 6 nội dung; ban hành Bộ tiêu chí “*Thôn NTM*”, “*Gia đình NTM*”; hướng dẫn thực hiện “*Ngày NTM*”, “*Ngày thứ 7 tình nguyện vì nông thôn mới, đô thị văn minh*”, xây dựng “*tuyến đường kiểu mẫu*”.

Ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa chủ lực; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ một số cây trồng, con nuôi chủ lực, mô hình SXNN, đồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo điều kiện để người dân tham gia PTSX, nâng cao thu nhập. Lồng ghép hiệu quả nguồn vốn NTM để thực

hiện có kết quả các mô hình SXNN. Chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, không để nợ đọng vốn xây dựng cơ bản kéo dài, không huy động tùy tiện, quá sức dân trong XD NTM.

Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác XD NTM được quan tâm thường xuyên. Chế độ báo cáo định kỳ, trao đổi thông tin giữa các cấp được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Các báo cáo thực hiện theo đúng mẫu quy định và hướng dẫn của cấp trên. Nhiều văn bản quy định được cập nhật kịp thời, đảm bảo thực hiện hiệu quả, chất lượng.

2.3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng:

Trách nhiệm của một số cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy chưa cao. Việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết, chuyên đề về XD NTM ở một số cấp ủy đảng chưa đi vào chiều sâu; phương pháp, kỹ năng truyền đạt còn hạn chế.

Tất cả các cấp ủy đảng ở cơ sở xác định mục tiêu đến năm 2020 đạt chuẩn NTM, tuy nhiên theo thực tế tiến độ hiện nay để đạt được mục tiêu là rất khó. Việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình từ huyện đến xã, thôn còn chậm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ XD NTM các cấp chưa được quan tâm thường xuyên.

- Công tác điều hành của chính quyền các cấp:

Một số cơ quan, đơn vị cấp huyện phối hợp thiếu chặt chẽ, ít quan tâm đến lĩnh vực XD NTM, đặc biệt là việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện ngày NTM, chỉnh trang nông thôn và tuyến đường kiểu mẫu.

Việc kiểm tra, thẩm định thôn NTM, gia đình NTM còn bị buông lỏng, thiếu kịp thời, chậm tổ chức điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí thôn

NTM, gia đình NTM để thực hiện. Đến nay, huyện chưa công nhận thôn

NTM, gia đình NTM. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện tuyến đường kiểu mẫu ở một số xã còn mang tính hình thức, chưa có giải pháp, chủ đề cụ thể để thực hiện. Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có tuyến đường kiểu mẫu đạt chuẩn.

Việc tổ chức các phong trào thi đua gắn với phong trào chung tay XD NTM hằng năm của một số xã chưa được chú trọng, thiếu thường xuyên và bền vững. Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi và tổ chức nhân rộng các mô hình sản xuất còn chậm, ít tạo ra sản phẩm hàng hóa; thị trường tiêu thụ nông sản thiếu ổn định, giá cả biến động bất thường.

Công tác tham mưu của đội ngũ cán bộ chuyên trách NTM ở một số xã còn chậm, chất lượng chưa cao. Nhiều Ban quản lý xã vẫn còn lúng túng trong việc triển khai áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ.

- Hoạt động Ban chỉ đạo XD NTM các cấp:

Một số thành viên trong Ban chỉ đạo, Tổ chỉ đạo XD NTM từ huyện đến cơ sở đôi khi còn thiếu kiểm tra, hướng dẫn, chưa sâu sát địa bàn được phân công; chưa phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu.

Việc ban hành kế hoạch XD NTM hằng năm của một số xã còn chậm, có mặt thiếu cụ thể. Một số xã đạt chuẩn NTM có dấu hiệu chững lại, chỉ đạo thiếu quyết liệt sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM dẫn đến chất lượng một số tiêu chí NTM bị sụt giảm. Hoạt động của một số BCD XD NTM xã chưa tích cực; công tác chỉ đạo xây dựng thôn NTM, chỉnh trang nông thôn, ngày NTM và xây dựng tuyến đường kiểu mẫu có bước chững lại.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ở một số nơi (*thành viên trong BCD*) chưa thực sự sâu sát và đôi khi có biểu hiện hành chính hoá; chất lượng, hiệu quả của một số phong trào, cuộc vận động chưa cao.

Vai trò giám sát, phản biện xã hội về NTM có lúc chưa được phát huy, hiệu quả thấp.

-Hoạt động của Ban Phát triển thôn: Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí thôn NTM, gia đình NTM, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu của thôn tại một số BPT thôn chưa mang lại hiệu quả; công tác lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo số liệu NTM hằng năm chất lượng chưa cao.

-Về mặt nhận thức, huy động nguồn lực: Nhận thức của một số bộ phận cán bộ và nhân dân về XD NTM còn hạn chế, nhất là trong thực hiện ngày NTM, tuyến đường kiểu mẫu và chỉnh trang nông thôn. Nội lực của địa phương chưa được phát huy tối đa; việc tham gia đóng góp của các doanh nghiệp vào xây dựng NTM còn ít. Nguồn lực đầu tư XD NTM trên địa bàn các xã còn không ít khó khăn, đặc biệt là nhóm tiêu chí hạ tầng KT-XH.

Tiểu kết chương 2

Chương II của luận văn đề cập đến những nội dung sau:

Một là, nêu rõ các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội đối với quá trình quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

Hai là, phân tích đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Trong đó, tập trung các nội dung:

Công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân; Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường; Hệ thống tổ chức chính trị xã hội và an ninh, trật tự xã hội; Kết quả huy động nguồn lực; Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

Ba là, đánh giá chung về tình hình thực hiện quản lý Nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Những kết quả nổi bật đạt được trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị trong:

- + Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng.
- + Công tác điều hành của chính quyền các cấp.
- + Hoạt động Ban chỉ đạo XD NTM các cấp.
- + Hoạt động của Ban Phát triển thôn.
- + Về mặt nhận thức, huy động nguồn lực.

Trên cơ sở đánh giá công tác quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở quan trọng để đề ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hải Lăng được đề cập tại Chương III.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN HẢI LĂNG TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Quan điểm, mục tiêu quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

3.1.1. Quan điểm

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận và các đoàn thể các cấp; là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và xuyên suốt trong giai đoạn 2020-2025, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, với phương châm *“xây dựng nông thôn mới chỉ có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”*; đồng thời, phát huy vai trò chủ thể, huy động phù hợp nội lực của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới thông qua Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”* và Phong trào thi đua *“Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới”* giai đoạn 2020-2025.

Tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả đã đạt được, những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tập trung mọi nguồn lực để thực hiện hoàn thành mục tiêu các tiêu chí xã nông thôn mới, huyện nông thôn mới đảm bảo đạt và vượt tiến độ, lộ trình đề ra. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; liên doanh, liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, chú trọng xây dựng sản phẩm đặc trưng, chủ lực của huyện gắn với thực hiện chương trình MTQG

xây dựng NTM. Lấy phát triển sản xuất làm gốc, lấy tiêu chí thu nhập làm mục tiêu chính. Chú trọng công tác giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống và sự hài lòng của người dân; nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở; chú trọng bảo vệ môi trường, tập trung thực hiện 6 nội dung chính trang nông thôn,... là những vấn đề cốt lõi trong xây dựng huyện nông thôn mới đảm bảo chất lượng, không chạy theo thành tích.

3.1.2. Mục tiêu chung

Tiếp tục phát huy vai trò, hiệu quả chỉ đạo của BCD từ huyện đến cơ sở. Huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hoàn thiện các tiêu chí huyện, xã nông thôn mới đạt theo chuẩn mới; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao và liên doanh liên kết; đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương để tạo bước đột phá trong nông nghiệp, gắn nông nghiệp với thương mại, dịch vụ nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững. Giữ vững, ổn định tình hình nông thôn, bản sắc văn hóa dân tộc; phấn đấu nhiều xã, thôn được chính trang nông thôn theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp, có diện mạo mới, đặc thù của địa phương, môi trường sinh thái được bảo vệ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025, huyện Hải Lăng đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

3.1.3. Mục tiêu cụ thể

- Đối với huyện:

+ Hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện NTM, trong đó: hoàn thành 5 tiêu chí chưa đạt chuẩn⁷; duy trì, nâng cao chất lượng 4 tiêu chí đã đạt chuẩn⁸.

⁷ Tiêu chí số 1 (Quy hoạch), tiêu chí số 2 (Giao thông), tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục), tiêu chí số 6 (Sản xuất), tiêu chí số 7 (Môi trường).

⁸ Tiêu chí số 3 (Thủy lợi), tiêu chí số 4 (Điện), tiêu chí số 8 (An ninh, trật tự xã hội), tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới).

+ Thu nhập bình quân trên đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

+ Huyện Hải Lăng đạt chuẩn huyện NTM trước năm 2025.

- Đối với xã:

+ Phấn đấu đến năm 2024, có 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó: có thêm 4 xã⁹ đạt chuẩn NTM.

+ 11 xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2010-2020 tiếp tục duy trì đạt chuẩn và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM.

+ Phấn đấu đến năm 2024, có 30% số xã (5 xã) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;

+ Mỗi xã có ít nhất 01 tuyến đường kiểu mẫu của xã đạt chuẩn theo quy định.

- Đối với thôn:

+ Phấn đấu đến năm 2024, có 25% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

+ Mỗi thôn có ít nhất 01 tuyến đường kiểu mẫu đạt chuẩn theo quy định.

3.2. Một số giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

3.2.1. Tăng cường xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới

3.2.1.1. Đối với các xã chưa đạt chuẩn

a. Nhiệm vụ

Tập trung chỉ đạo 4 xã: Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện lên 15 xã (đạt tỷ lệ 100%), trong đó: xã Hải Định phấn đấu về đích năm 2021; xã Hải An phấn đấu về đích năm 2022; xã Hải Khê, Hải Chánh phấn đấu về đích năm 2023.

b. Giải pháp

⁹ Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê.

*** Chỉ đạo hoàn thiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị**

- **Đối với xã Hải Định:** Chỉ đạo thực hiện hoàn thành 3 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 2 (*Giao thông*), tiêu chí số 5 (*Trường học*) và tiêu chí số 6 (*Cơ sở vật chất văn hóa*).

-Bê tông hóa hoặc nhựa hóa 4,45 km đường xã để đạt tỷ lệ 100%; BTH 200m đường trục thôn (*đã thực hiện 10,4 km/12,31 km, đạt tỷ lệ 84%*) để đạt tỷ lệ 85%. Cứng hóa bằng đồ cấp phối 8,29 km (*đã cấp phối 17 km/25,29 km, đạt tỷ lệ 67,24%*) các tuyến đường trục chính nội đồng để đạt chuẩn tiêu chí giao thông.

-Xây dựng 6 phòng học tập điểm trường THCS Hải Thiện; 4 phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải Thiện để đạt chuẩn tiêu chí trường học.

-Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Trung Đơn, sân thể thao thôn Phước Điền và mua sắm một số dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em trên địa bàn xã để đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

- **Đối với xã Hải Chánh:** Chỉ đạo hoàn thành 7 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 2 (*Giao thông*), tiêu chí số 5 (*Trường học*), tiêu chí số 6 (*Cơ sở vật chất văn hóa*), tiêu chí số 8 (*Thông tin và truyền thôn*), tiêu chí số 13 (*Tổ chức sản xuất*), tiêu chí số 15 (*Y tế*), tiêu chí số 17 (*Môi trường và An toàn thực phẩm*).

-Tổ chức rà soát, điều chỉnh các tuyến đường giao thông không cần thiết trong đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 để giảm kinh phí đầu tư, phù hợp với nguồn lực của xã.

-Xây dựng mới các phòng học bộ môn trường TH&THCS Hải Chánh; nâng cấp phòng học, sân chơi trường mầm non khu vực Cầu Nhi, bếp ăn trường Mầm non khu vực Mỹ Chánh.

-Xây dựng sân thể thao xã Hải Chánh; xây dựng nhà văn hóa thôn Mỹ Chánh; nâng cấp nhà văn hóa thôn Tây Chánh, Hội Kỳ; xây dựng khu vệ sinh của nhà văn hóa thôn Xuân Lộc, Nam Chánh, Tân Phong; xây dựng sân thể thao thôn Nam Chánh, Tây Chánh, Tân Phong, Hội Kỳ, Xuân Lộc để đạt chuẩn tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

-Xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề Chổi đót Văn Phong đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

-Tranh thủ nguồn vốn sự nghiệp phân bổ hàng năm để đầu tư mới Đài truyền thanh của xã phụ vụ công tác thông tin và truyền thông. Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình Italy để đầu tư xây dựng mới trạm Y tế xã đạt chuẩn theo quy định.

-Vận động các hộ hình thành Tổ hợp tác tích tụ ruộng để tổ chức sản xuất tập trung liên kết với tiêu thụ vì xã Hải Chánh có địa bàn rộng, địa hình khá phức tạp (*ruộng sản xuất cách xa nơi sinh sống của các hộ sản xuất, giao thông đi lại khó khăn...*). Đồng thời áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

-Tăng cường thực hiện công tác vệ sinh môi trường, ngày nông thôn mới và chỉnh trang nông thôn để tạo diện mạo sáng, xanh, sạch, đẹp hơn.

- **Đối với xã Hải An:** Chỉ đạo hoàn thành 6 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 5 (*Trường học*), tiêu chí số 6 (*Cơ sở vật chất văn hóa*), tiêu chí số 11 (*Hộ nghèo*), tiêu chí số 13 (*Tổ chức sản xuất*), tiêu chí số 17 (*Môi trường và An toàn thực phẩm*), tiêu chí số 19 (*Quốc phòng và An ninh*).

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh và nguồn vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư các công trình trường học, cơ sở vật chất văn hóa đạt chuẩn. Xây dựng phòng học tập, hỗ trợ học tập của 2 điểm trường Tiểu học và THCS Hải An; phòng làm việc, phòng học tập điểm trường Mầm non Tây Tân An. Xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao xã; nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thuận Đầu; sân thể thao thôn Đông Tân An, Tây Tân An; mua sắm các dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ cho các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 80 hộ (5,76%) xuống dưới 70 hộ (dưới 5%) để đạt chuẩn tiêu chí số 11 (Hộ nghèo).

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các loại hình kinh tế tập thể, hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Chỉ đạo thành lập mới ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động theo luật năm 2012. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ hợp tác thu mua hải sản Hải An, liên kết thu mua sản phẩm khai thác của người dân đảm bảo bền vững.

- Tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ. Tổ chức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản trên địa bàn ký cam kết bảo vệ môi trường. Tăng cường các hoạt động vệ sinh môi trường, chỉnh trang nông thôn thông qua ngày nông thôn mới.

- Xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề truyền thống Nước mắm Mỹ Thủy theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Đối với xã Hải Khê:** Chỉ đạo hoàn thành 5 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 5 (Trường học), tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn

hóa), tiêu chí số 11 (*Hộ nghèo*), tiêu chí số 13 (*Tổ chức sản xuất*) và tiêu chí số 17 (*Môi trường và An toàn thực phẩm*).

- Tạo điều kiện thuận lợi triển khai xây dựng đạt chuẩn trường Mầm non, trường TH&THCS Hải Khê thuộc dự án Khu tái định cư Hải Khê. Tranh thủ nguồn vốn phân bổ NTM hàng năm của Trung ương, tỉnh để xây dựng sân thể thao thôn Trung An; mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ cho các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025. Chỉ đạo các đoàn thể huyện phối hợp với các đoàn thể ở xã, thôn đảm nhận, giúp đỡ hội viên thoát nghèo. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% (*theo từng giai đoạn chuẩn nghèo*).

- Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hướng dẫn xã thành lập Hợp tác xã và xây dựng ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

- Tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ. Tuyên truyền, vận động và tổ chức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản trên địa bàn ký cam kết bảo vệ môi trường. Tăng cường các hoạt động vệ sinh môi trường, chỉnh trang nông thôn thông qua việc thực hiện ngày nông thôn mới và xây dựng tuyến đường kiểm mẫu.

*** Một số giải pháp chung:**

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM. Tổ chức lễ phát động, ký cam kết xây dựng xã đạt chuẩn NTM theo năm đăng ký về đích nông thôn mới.

- Tổ chức rà soát quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung đề án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng NTM phù hợp giai đoạn 2020-

2025; chỉ đạo tổ chức niêm yết, công khai và tổ chức cắm mốc chỉ giới theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

- Rà soát quỹ đất, điều chỉnh mục đích sử dụng đất (*trường hợp cần thiết*), tổ chức đấu giá QSD đất để có nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình NTM, trong đó ưu tiên các tiêu chí chưa đạt chuẩn.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới đã đạt chuẩn, không để sụt giảm các tiêu chí. Đặc biệt quan tâm đến các tiêu chí đạt thiếu bền vững như: hệ thống chính trị, quốc phòng và an ninh, môi trường.

- Đối với 2 xã vùng biển (*Hải An và Hải Khê*) đang nằm trong vùng quy hoạch xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị nên việc phân đấu các tiêu chí như số 3,13,17 đang gặp một số khó khăn nhất định. Khi thực hiện di dời, quy hoạch lại khu dân cư tại khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị cần quan tâm công tác quy hoạch vùng sản xuất tập trung và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất đảm bảo theo quy định. Bên cạnh đó, cần chỉ đạo áp dụng Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới dành cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 để thực hiện. Chỉ đạo các thôn rà soát, xây dựng lộ trình phân đấu đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

3.2.1.2. Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới của các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

- Chỉ đạo các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025. Trong đó: tập trung chỉ đạo xã Hải Thượng xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020; xã Hải Phú, Hải Dương xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2021; xã Hải Phong xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2022 và xã Hải Hưng xây dựng NTM kiểu mẫu năm

2023, phấn đấu đến năm 2025, huyện có 30% (từ 4-5 xã) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Chỉ đạo, phân công các xã tập trung xây dựng tuyến đường kiểu mẫu của xã, thôn theo kế hoạch, kết hợp thực hiện “ngày NTM”, “chỉnh trang nông thôn” theo hướng “sáng, xanh, sạch, đẹp” nhằm tạo điểm nhấn, nét nổi bật riêng của từng xã. Tuyến đường kiểu mẫu của các xã thực hiện hoàn thành trước năm 2025, riêng đối với các xã dự kiến về đích NTM kiểu mẫu phải đạt chuẩn trước thời điểm công nhận xã kiểu mẫu.

- Chỉ đạo 25% số thôn (17 thôn) xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025. Trong đó, năm 2020 chỉ đạo “điểm” thôn Đại An Khê (Hải Thượng) và thôn Hưng Nhơn (Hải Phong) xây dựng NTM kiểu mẫu; từ năm 2021-2025 xác định cụ thể 15 thôn còn lại để chỉ đạo xây dựng đạt chuẩn.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện “Ngày thứ Bảy tình nguyện vì nông thôn mới” theo Công văn chỉ đạo số 471-CV/HU ngày 07/6/2019 của Huyện ủy. Các cơ quan, đơn vị huyện cử cán bộ chuyên môn bám sát cơ sở để kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM thuộc lĩnh vực phụ trách và tham gia cùng với cơ sở thực hiện “Ngày thứ Bảy tình nguyện vì nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Tranh thủ nguồn vốn phân bổ của ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM hàng năm lồng ghép với nguồn đầu đất của xã, nguồn vốn huy động trong dân, các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác để duy tu, bảo dưỡng, đầu tư mở rộng, nâng cấp các hạng mục công trình xuống cấp, công trình đạt theo chuẩn mới. Đối với các xã đăng ký về đích xã NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2020- 2025, hàng năm huyện sẽ rà soát đề nghị cấp trên hỗ trợ theo quy định, đồng thời cân đối ngân sách huyện hỗ trợ đạt chuẩn.

3.2.2. Thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí Huyện nông thôn mới

3.2.2.1. Hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới chưa đạt chuẩn

Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo quyết liệt đạt chuẩn 5 tiêu chí huyện nông thôn mới còn lại chưa đạt chuẩn gồm: tiêu chí số 1 (*Quy hoạch*), tiêu chí số 2 (*Giao thông*), tiêu chí số 5 (*Y tế, Văn hóa, Giáo dục*), tiêu chí số 6 (*Sản xuất*), tiêu chí số 7 (*Môi trường*).

a. Tiêu chí số 1 (Quy hoạch)

*** Nhiệm vụ:**

- Lập quy hoạch vùng huyện theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

*** Giải pháp:**

- Lựa chọn đơn vị xây dựng dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng bao gồm các nội dung: lập quy hoạch vùng, lập nhiệm vụ quy hoạch, thẩm định đồ án quy hoạch, quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch, công bố đồ án quy hoạch, chi phí khảo sát,... trình UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí.
- Tổ chức khảo sát, lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.
- Ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch và tổ chức công bố, công khai quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.
- Chỉ đạo các xã tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025,

định hướng đến năm 2030. Tổ chức điều chỉnh cấm mốc chỉ giới thực địa phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức quản lý tốt các quy hoạch đã có như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch thương mại - dịch vụ, quy hoạch phát triển rừng,... để vận dụng vào công tác triển khai đề án xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2020-2025.

b. Tiêu chí số 2 (Giao thông)

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện bê tông hóa hoặc nhựa hóa 8 tuyến km đường huyện còn lại, chiều dài 51,18/189,65 km để đảm bảo tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng đạt 100%.

- Đầu tư nâng cấp bến xe khách trung tâm huyện đạt loại 4 để đạt chuẩn theo quy định.

*** Giải pháp:**

- Kêu gọi, huy động các nguồn vốn ODA, nguồn vốn Trung ương, tỉnh, vốn vay từ Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn, các nguồn vốn khác để ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường chật hẹp, hư hỏng, xuống cấp đi lại khó khăn, dễ gây tai nạn giao thông đảm bảo hệ thống giao thông trên địa bàn huyện kết nối tới các xã.

- Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường huyện theo quy hoạch GTVT và được phê duyệt tại Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của UBND huyện để đạt chuẩn 100% theo quy định, bao gồm: đường Hải Xuân

- Hải Quy (ĐH.49b) 2,43km; đường Hải Dương - Hải Khê (ĐH.62a) 3,7/4,7km; đường Hải Phú - Hải Quy (ĐH.49a) 2,8km; đường Thị trấn - Bến Mung (ĐH.54) 7,8/14km; đường Hải Chánh - Đá Bạc (ĐH.59) 10,25/10,75km; đường Xuân Lâm - Thượng Nguyên - K4 (ĐH.53)

1,9/6km; đường Thượng Xá - Dốc Sơn - Bến Lùng (ĐH.52) 5,0/8,6km;
Đường K4 - Dốc Neo - 367 (ĐH.53a) 17,63km.

- Đầu tư nâng cấp bến xe khách trung tâm huyện từ loại 6 lên tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm huyện, các xã có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

c. Tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục)

*** Nhiệm vụ:**

- *Văn hóa*: Xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. Khai thác hiệu quả công năng sử dụng nhà văn hóa thể thao huyện đáp ứng nhu cầu về thể thao, văn hóa, văn nghệ của nhân dân.

- *Giáo dục*: Triển khai dự án xây dựng trường Bùi Dục Tài hoặc hỗ trợ đầu tư các hạng mục của trường Trần Thị Tâm đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo góp phần nâng tổng số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn từ 60% trở lên.

*** Giải pháp:**

- *Văn hóa*: Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Công văn số 439/UBND-CN ngày 11/2/2020 của UBND tỉnh) và nguồn vốn đầu giá QSD đất của huyện để xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể thao huyện với tổng diện tích 10.000 m², trong đó: có nhà thi đấu đa năng diện tích 3.000 m²; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; bể nước; hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; thiết bị phục vụ nhà văn hóa; cây xanh, tiểu cảnh; hệ thống điện âm thanh ánh sáng, chiếu sáng sân vườn; nhà để xe; cổng, tường rào; thiết bị camera,...

+ Ban hành nội quy, quy chế quản lý Trung tâm văn hóa thể thao huyện. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể

dục và thể thao của nhân dân gắn với việc khai thác, sử dụng hiệu quả Trung tâm.

+ Tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối với các xã có hiệu quả theo yêu cầu tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- *Giáo dục*: Tiếp nhận dự án xây dựng trường Bùi Dục Tài đạt chuẩn quốc gia của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh giai đoạn 2019-2021. Dự kiến năm 2023, sẽ được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia nâng tổng số trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn huyện là 66,7% (quy định $\geq 60\%$).

+ Đề xuất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục của trường THPT Trần Thị Tâm (*nhà hiệu bộ, bàn ghế, thiết bị dạy học và sân thể thao trường*) đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy tại các trường THPT trên địa bàn. Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

d. Tiêu chí số 6 (Sản xuất)

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập đối với sản phẩm lúa hữu cơ đảm bảo áp dụng đồng bộ thống nhất cùng một quy trình sản xuất, có chứng nhận an toàn thực phẩm.

- Xây dựng mô hình liên kết gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng đối với sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch.

*** Giải pháp:**

- Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trong đó ưu tiên liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ với Công ty Cổ phần Nông sản hữu cơ Quảng Trị (Ong biển).

- Phối hợp với Công ty Ong Biển đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy để đưa vào hoạt động. Đồng thời, phối hợp với các xã có điều kiện sản xuất lúa hữu cơ liên kết sản xuất với Công ty để hình thành vùng sản xuất nguyên liệu tập trung cho nhà máy, quy mô diện tích dự kiến khoảng 1.000 ha tại các xã: Hải Trường, thị trấn Diên Sanh, Hải Lâm, Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Phong, Hải Định, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Hưng...

- Ngoài ra, quan tâm xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm chủ lực, cụ thể:

- + Liên kết tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (cam) tập trung: Tập trung các xã gò đồi: Hải Phú, Hải Lâm, Hải Sơn... quy mô 150-200 ha.

- + Liên kết tiêu thụ sản phẩm rau củ quả tập trung vùng cát: xã Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương, quy mô khoảng 100 ha.

- + Liên kết tiêu thụ sản phẩm nuôi lợn nái lai, nái ngoại.

- + Liên kết tiêu thụ sản phẩm nuôi bò lai.

- + Liên kết tiêu thụ sản phẩm nuôi cá nước ngọt.

đ. Tiêu chí số 7 (Môi trường)

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng quy trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và quy trình thu gom chất thải rắn thông thường trên địa bàn huyện.

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề theo quy định.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 03 Cụm công nghiệp theo hồ sơ môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt.

*** Giải pháp:**

- Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, thu gom rác thải, xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, phân loại và xử lý các loại chất thải rắn. Từng bước quy hoạch và đầu tư xây dựng để đưa các làng nghề, cơ sở giết mổ ra xa khu dân cư để tránh tình trạng ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá tác động môi trường, ký cam kết bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo xã Hải An, Hải Khê tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ như hiện nay đang thực hiện.

- Chỉ đạo 7 làng nghề, làng nghề truyền thống lập phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Huy động, kêu gọi sự hỗ trợ đầu tư của cấp trên đối với việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 3 Cụm công nghiệp: thị trấn Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh. Đề nghị cấp trên xử lý 5 điểm gây ô nhiễm môi trường còn lại tại các Kho thuốc bảo vệ thực vật HTX sản xuất nông nghiệp Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá và Công ty Vật tư nông nghiệp Triệu Hải cũ theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh đã phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm y tế huyện lập hồ sơ đăng ký để được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Chỉ đạo xử lý dứt điểm 4 cơ sở tái chế bao bì tại thôn Long Hưng, xã Hải Phú gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn huyện tiến hành vận chuyển chất thải y tế nguy hại đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải (Cụm số 3) để xử lý theo quy định; triển khai thực hiện Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình Cụm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3.2.2.2. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn giai đoạn 2016-2020 gồm: tiêu chí số 3 (*Thủy lợi*), tiêu chí số 4 (*Điện*), tiêu chí số 8 (*An ninh, trật tự xã hội*) và tiêu chí số 9 (*Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới*), cụ thể:

a. Tiêu chí số 3 (Thủy lợi):

- Đối với hệ thống thủy lợi hiện nay trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu đối với sản xuất nông nghiệp, trồng lúa của người nông dân. Có hệ thống Nam Thạch Hãn phục vụ liên xã gồm: kênh N2 (*Hải Thượng, Hải Phú, Hải Lâm*), kênh N4 (*Hải Quy, Hải Hưng, Hải Định*), kênh N6 (*Hải Dương, Hải Ba, Hải Quế*) và trạm Bơm Hải Hòa phục vụ các xã: Hải Phong, Hải Chánh, Hải Dương phù hợp với quy hoạch. Tuy nhiên, riêng vùng cát và vùng gò đồi chưa đáp ứng theo yêu cầu, do đó cần vận động ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa... tùy điều kiện từng vùng đối với từng đối tượng cây trồng.

- Hàng năm, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã đảm bảo hoạt động bền vững. Tập huấn, nâng cao nhận thức của người dân trong quá trình vận hành và quản lý các công trình thủy lợi.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống thủy lợi vùng sản xuất lúa tập trung chất lượng cao các xã phía Nam huyện Hải Lăng đã được phê duyệt tại Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Tranh thủ, huy động các nguồn vốn khác nhau để nâng cấp, gia cố chân hệ thống đê bao vùng trũng (*được đầu tư từ năm 2010, đến nay nhiều vị trí tuyến đê bị xói lở, nguy cơ mất an toàn*) đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt cho sản xuất.

- Đề xuất nguồn vốn cấp trên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp tuyến đê cát Ba-Quế-Dương (*do hiện nay nhiều vị trí công trình bị hư hỏng*) để bảo vệ an toàn cho người dân, phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi các tuyến đường QL49C, ĐT582 bị ngập lụt chia cắt. Nâng cấp các hồ chứa: Miêu Duệ, xã Hải Thượng, hồ Khe Mương, xã Hải Sơn; các công trình thủy lợi, đê kè khác như: tuyến kênh tách nước cát Diên Khánh, xã Hải Dương, kênh tiêu Hạ Nghĩa Lam Thủy, kè chống xói lở sông Thác Ma giai đoạn 2, cống điều tiết Xuân Lộc, trạm bơm tưới tiêu Mỹ Chánh, An Nhơn.

b. Tiêu chí số 4 (Điện):

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ, Sở Công thương làm chủ đầu tư, các xã được hưởng lợi gồm: Hải An, Hải Khê, Hải Quế và Hải Hưng.

- Đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, giai đoạn 2014-2020 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỉnh và do Sở Công thương làm chủ đầu tư.

c. Tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục):

- Tiếp tục chỉ đạo duy trì việc xây dựng Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia (*Bệnh viện huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn hạng 3 vào năm 2008*) theo quy định. Tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình, dự án, sự chỉ đạo, hỗ trợ trực tiếp từ Sở Y tế tỉnh Quảng Trị để xây dựng đội

ngũ cán bộ y tế huyện đạt chuẩn, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế đảm bảo công tác khám chữa bệnh theo quy định.

- Quan tâm đến bảo hiểm y tế, đặc biệt BHYT cho người nghèo, người cao tuổi và trẻ em. Tiếp tục duy trì và từng bước nâng cao tỷ lệ đóng bảo hiểm y tế.

- Tiếp tục nâng cấp sửa chữa các Trạm y tế đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Kịp thời phối hợp, đề xuất cấp trên triển khai xây dựng mới 7 Trạm y tế: Hải Chánh, Hải Trường, Hải Sơn, Thị trấn Diên Sanh, Hải Lâm, Hải Xuân, Hải Quy nguồn vốn ODA của Chính phủ Italia do Sở Y tế tỉnh Quảng Trị làm chủ đầu tư.

d. Tiêu chí số 8 (An ninh, trật tự xã hội):

- Chú trọng duy trì và phát triển sâu rộng phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”. Phát huy tốt công tác người dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm. Không để nóng thêm tình hình về tội phạm hình sự, tội phạm ma túy,... đảm bảo tốt tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội khu dân cư.

- Không có tình trạng tập trung khiếu kiện đông người kéo dài, không có khiếu kiện vượt cấp. Giải quyết kịp thời những bức xúc, những điểm nóng dễ hạn chế tối đa tình trạng bất ổn trong nhân dân.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Quân sự; dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

đ. Tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới):

- Tổ chức kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, các Tổ chỉ đạo xã xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các xã kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý và Ban phát triển thôn trên địa bàn huyện phù hợp với thay đổi nhân sự sau Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025. Hằng năm, tổ

chức kiện toàn bộ máy chỉ đạo, quản lý từ huyện đến cơ sở, thôn để đảm bảo hoạt động xuyên suốt, hiệu quả trong quá trình chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị huyện đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu huyện, xã NTM phù hợp với Bộ tiêu chí giai đoạn 2020-2025.

- Kiện toàn, bổ sung bộ máy hoạt động của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện. Bố trí thêm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm từ các phòng, ban liên quan phục vụ nhiệm vụ xây dựng huyện NTM giai đoạn 2020-2025 đảm bảo phù hợp với quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2.3. *Vốn và nguồn vốn thực hiện*

3.2.3.1. *Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư xây dựng đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 là: 459.036,6 triệu đồng, trong đó:*

- Đầu tư hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới: 315.809 triệu đồng;

- Đầu tư 4 xã (*Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê*) đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 52.972,6 triệu đồng.

- Một số tiêu chí xã nông thôn mới cần duy trì đạt chuẩn: 90.255 triệu đồng.

3.2.3.2. *Nguồn vốn và phân nguồn chi tiết*

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 303.836,6 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 66,19%;

- Ngân sách huyện: 42.021,3 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 9,15%;

- Ngân sách xã: 11.200 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,44%;

- Lồng ghép chương trình, dự án: 67.355,7 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,67%;

- Vốn tín dụng: 4.300 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,94%;
- Huy động doanh nghiệp, HTX: 5.829 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,27%;
- Huy động nhân dân: 14.334,9 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,12%;
- Vốn khác: 10.179 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,22%.

*** Nguồn vốn có khả năng đáp ứng: 233.858 triệu đồng, cụ thể:**

- Nguồn vốn đầu tư, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã về đích nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 dự kiến: 400 triệu đồng/xã x 11 xã x 5 năm = 22.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến tỉnh hỗ trợ cho 4 xã (*Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê*) đăng ký về đích NTM giai đoạn 2021-2025: 21.200 triệu đồng:

+ Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ cho 4 xã hoàn thiện các tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn dự kiến: 4.000 triệu đồng/xã x 5 xã = 20.000 triệu đồng;

+ Thường công trình phúc lợi cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới: 300 triệu đồng/xã x 4 xã = 1.200 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của huyện do tỉnh phân bổ: 8.500 triệu đồng/năm x 5 năm = 42.500 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3.000 triệu đồng/năm x 5 năm = 15.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư giá quyền sử dụng đất hàng năm của huyện phân bổ để xây dựng huyện nông thôn mới: 29.367 triệu đồng.

- Ngân sách trực tiếp của huyện phân bổ: 12.654,3 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các hạng mục đã có Quyết định hoặc chủ trương đầu tư: 88.871 triệu đồng, bao gồm: Trung tâm VH-TT huyện 15.533 triệu đồng; trường THPT Bùi Dục Tài 33.386 triệu đồng; xử lý môi trường 5 kho thuốc còn lại (*HTX Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Diên, Thượng Xá, Công ty VTNN Triệu Hải cũ*) 15.000 triệu đồng; xử lý nước thải CCN Diên Sanh 24.952 triệu đồng.

- Nguồn vốn ODA của Chính phủ Italia hỗ trợ xây dựng Trạm y tế xã Hải Chánh đạt chuẩn 2.265,7 triệu đồng.

* **Nguồn vốn chưa đáp ứng: 225.178,6 triệu đồng**, cần có sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương, tỉnh, nguồn vốn tín dụng và các chương trình, dự án khác.

3.2.4. Kế hoạch thực hiện

3.2.4.1. Năm 2020

- Chỉ đạo các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí, chỉ tiêu huyện NTM, xã NTM và xây dựng kế hoạch cụ thể để tham gia xây dựng huyện nông thôn mới.

- Chỉ đạo rà soát, tính toán nhu cầu nguồn lực và ban hành Đề án huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025. Lồng ghép tổ chức hội nghị quán triệt triển khai các nội dung xây dựng huyện nông thôn mới.

- Khảo sát, lập dự toán và quy hoạch vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt để đạt tiêu chí số 1 (*Quy hoạch*). Chỉ đạo các xã rà soát điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ đạo xã Hải Phong hoàn thành hồ sơ, quy trình, thủ tục đề nghị UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; xã Hải Thượng về đích NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức làm việc với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 về kế hoạch, lộ trình xây dựng NTM kiểu mẫu. Chỉ đạo các xã chưa đạt chuẩn NTM hoàn thành mục tiêu không còn xã đạt dưới 16 tiêu chí NTM theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Chỉ đạo thôn Đại An Khê (*Hải Thượng*) và thôn Hưng Nhơn (*Hải Phong*) xây dựng “điểm” thôn NTM kiểu mẫu. Tổ chức hội nghị tổng kết,

đánh giá tình hình thực hiện và triển khai nhân rộng xây dựng thôn NTM kiểu mẫu.

3.2.4.2. Năm 2021

- Tổ chức Lễ phát động xây dựng đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 gắn với phong trào thi đua “*Hải Lãng chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Kêu gọi, huy động các nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các hạng mục công trình trong Đề án.

- Triển khai thi công các công trình giao thông tuyến huyện chưa đạt chuẩn, các công trình khác theo kế hoạch sau khi được cấp trên hỗ trợ kinh phí thực hiện.

- Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo đến năm 2025 huyện có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch; đồng thời áp dụng đồng bộ cùng một quy trình sản xuất, có chứng nhận an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo xã Hải Định xây dựng về đích nông thôn mới. Chỉ đạo xã Hải Phú về đích NTM kiểu mẫu (*trong đó: cần tập trung xử lý triệt các cơ sở tái chế bao bì gây ô nhiễm môi trường tại thôn Long Hưng*). Chỉ đạo xã Hải Thượng tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020.

- Chỉ đạo 5 thôn theo kế hoạch xây dựng về đích NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích kiểu mẫu (*Hải Phú, Hải Dương*) phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức làm việc với cấp trên về kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải các cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

3.2.4.3. Năm 2022

- Chỉ đạo xã Hải Khê xây dựng về đích nông thôn mới; 100% số thôn của xã Hải Khê đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí dành cho các thôn thuộc vùng bãi ngang ven biển. Chỉ đạo xã Hải Phong xây dựng về đích NTM kiểu mẫu.

- Chỉ đạo xã Hải Phú tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và xã Hải Định tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2021.

- Chỉ đạo 5 thôn tiếp theo theo kế hoạch xây dựng về đích thôn NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích NTM kiểu mẫu (*Hải Phong*) phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới các xã.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao huyện giai đoạn 2 và các thủ tục liên quan đề nghị công nhận Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. Tiếp nhận và đưa vào sử dụng trường THPT Bùi Dục Tài khi tỉnh hoàn thành đầu tư; đồng thời, hoàn thành các thủ tục liên quan đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

3.2.4.4. Năm 2023

- Chỉ đạo 2 xã: Hải An, Hải Chánh đạt chuẩn xã nông thôn mới; các thôn của xã Hải An đạt chuẩn thôn NTM theo quy định dành cho các thôn thuộc vùng bãi ngang ven biển. Chỉ đạo xã Hải Hưng, Hải Dương xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chỉ đạo xã Hải Phong tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và xã Hải An tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2022.

- Chỉ đạo 5 thôn tiếp theo theo kế hoạch xây dựng về đích thôn NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích NTM kiểu mẫu (*Hải Hưng*) phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác chỉnh trang nông thôn, “*ngày nông thôn mới*”, “*ngày thứ bảy tình nguyện vì nông thôn mới*” và xây dựng tuyến đường kiểu mẫu của xã, thôn.

- Tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả, tiến độ triển khai xây dựng huyện nông thôn mới; rà soát các chỉ tiêu về: xã NTM kiểu mẫu, xã NTM và thôn NTM kiểu mẫu.

3.2.4.5. Năm 2024

- Tiếp tục chỉ đạo, khuyến khích các xã đã đạt chuẩn NTM và các thôn còn lại trên địa bàn huyện phấn đấu xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2024-2025.

- Chỉ đạo xã Hải Hưng, Hải Dương tổ chức lễ công bố xã nông thôn mới kiểu mẫu và 2 xã: Hải An, Hải Chánh tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2023.

- Tiếp tục chỉ đạo các xã về đích NTM kiểu mẫu, các xã về đích NTM tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn.

- Đẩy mạnh công tác chỉnh trang nông thôn, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu, tuyến đường hoa của xã. Thành lập các đoàn kiểm tra của huyện để đánh giá, công nhận tuyến đường kiểu mẫu của các xã theo kế hoạch đã đăng ký.

- Chỉ đạo các ngành theo từng lĩnh vực hoàn thiện hồ sơ về đích nông thôn mới trình Trung ương, tỉnh thẩm định công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

3.2.4.6. Năm 2025

Tổ chức Lễ Công bố đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Tổ chức Hội nghị tổng kết chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, triển khai kế hoạch giai đoạn 2026-2030. Từng bước nâng cao các tiêu chí huyện NTM, xã NTM đạt theo chuẩn mới.

Tiểu kết chương 3

Chương III của luận văn đề cập đến Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở huyện Hải Lăng trong thời gian tới, tập trung những nội dung sau:

Một là, quan điểm, mục tiêu quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Nêu rõ mục tiêu cụ thể trong thời gian tới đối với huyện, đối với xã, đối với thôn nhằm xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

Hai là, một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở huyện Hải Lăng trong thời gian tới. Cụ thể:

-Tăng cường QLNN các tiêu chí NTM, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới: *Đối với các xã chưa đạt chuẩn*: Nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp đối với từng xã chưa đạt chuẩn để chỉ đạo hoàn thiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

-Hoàn thiện các tiêu chí NTM huyện chưa đạt chuẩn (Chỉ đạo thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí Huyện nông thôn mới):

+ Nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp từng tiêu chí để xây dựng huyện đạt chuẩn NTM.

+ Rà soát, đánh giá các tiêu chí huyện chưa đạt chuẩn NTM, nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp thực hiện từng tiêu chí chưa đạt (*Tiêu chí số 1: Quy hoạch; Tiêu chí số 2: Giao thông; Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục; Tiêu chí số 6: Sản xuất; Tiêu chí số 7: Môi trường*).

+ Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn (*Tiêu chí số 3: Thủy lợi; Tiêu chí số 4: Điện; Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục (Bệnh viện huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn hạng 3*

vào năm 2008); *Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội; Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới*).

Ba là, xác định nhu cầu nguồn vốn đầu tư xây dựng đạt chuẩn Huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

Vốn và nguồn vốn thực hiện: Phân nguồn chi tiết (*Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã; nguồn lồng ghép chương trình, dự án; vốn tín dụng; huy động doanh nghiệp, HTX; huy động nhân dân; vốn khác...*).

Kế hoạch nội dung thực hiện cụ thể từng năm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu cho thấy, việc chỉ đạo triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hải Lăng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần lớn vào sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Hải Lăng và đó là cơ sở quan trọng để huyện Hải Lăng phấn đấu xây dựng đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2020-2025.

Thực trạng quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới cho thấy được nhiều mặt tích cực, bộ máy chỉ đạo, điều hành sớm được thành lập, hoạt động xuyên suốt và hiệu quả từ huyện đến xã, thôn. Công tác quy hoạch xã NTM được lập và phê duyệt đảm bảo theo quy định, yêu cầu của cấp trên. Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế xã hội từng bước được chỉ đạo đầu tư, nâng cấp đạt chuẩn; nhóm kinh tế và tổ chức sản xuất đã xây dựng được các mô hình cánh đồng lớn với giống lúa chất lượng cao; kịp thời ban hành các chính sách dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất và chính sách bù đắp giá trị bị sụt giảm do dịch tả lợn Châu Phi gây ra; nhóm văn hóa - xã hội - môi trường được quan tâm, chú trọng; nhóm hệ thống chính trị được củng cố.

Vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đó là: việc lập quy hoạch ban đầu chưa sát với thực tế dẫn đến điều chỉnh quy hoạch nhiều lần, mất thời gian và kinh phí; hiện nay huyện vẫn chưa xây dựng được quy hoạch vùng. Chưa có kế hoạch cụ thể để huy động các nguồn lực từ phía các doanh nghiệp, các tổ chức NGO,... tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới mà đa số tranh thủ nguồn vốn phân bổ từ cấp trên. Bên cạnh đó, mặc dù đã có các mô hình liên kết tuy nhiên rất ít, chưa xây dựng được nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, các sản phẩm chủ lực sản xuất theo hướng hữu cơ còn ít, chưa có chứng

nhận vệ sinh an toàn thực phẩm chiếm đa số. Vấn đề vệ sinh môi trường tại các làng nghề, cụm công nghiệp còn chưa được xử lý và huyện chưa xây dựng được mô hình điểm về tuyến đường kiểu mẫu để nhân rộng. Vẫn còn tình trạng đơn thư, khiếu nại tố cáo vượt cấp, tình trạng sử dụng ma túy trên địa bàn vẫn diễn ra và có chiều hướng gia tăng.

Với những kết quả thực hiện có được trong giai đoạn 2010-2020 và những tiềm năng, thế mạnh đã phân tích trong luận văn sẽ là cơ sở, tiền đề quan trọng để huyện Hải Lăng khắc phục những hạn chế, tồn tại và nâng cao năng lực quản lý để xây dựng đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2020-2025.

II. KIẾN NGHỊ

1. Về phân bổ nguồn lực

Việc thực hiện các tiêu chí giao thông, CSHT thương mại nông thôn, Cơ sở vật chất văn hóa, y tế xã rất khó đạt do cần phải có nguồn kinh phí lớn để thực hiện, nhưng nguồn lực ở huyện, xã còn nhiều hạn chế. Vì vậy, đề nghị cấp trên cần quan tâm, bố trí vốn và sớm phân bổ kế hoạch vốn NTM hàng năm để thực hiện đảm bảo theo quy định. Có kế hoạch phân bổ kinh phí hỗ trợ việc điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, đề án NTM đảm bảo phù hợp với các quy định mới trong giai đoạn 2020-2025.

2. Về cơ chế, chính sách

Hiện nay, một số thiết kế mẫu, thiết kế điển hình trong XD NTM còn thiếu và chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù NTM. Vì vậy, cần rà soát, điều chỉnh các thiết kế mẫu đã ban hành theo hướng linh hoạt phù hợp với nguồn lực đầu tư của địa phương và bổ sung các thiết kế mẫu theo danh mục công trình áp dụng đặc thù đã được UBND tỉnh ban hành.

Quy định cụ thể tỷ lệ vốn góp của dân theo từng loại công trình trong đầu tư cơ sở hạ tầng để áp dụng cơ chế đặc thù. Trong đó cần giảm tỷ lệ

đóng góp của người dân đối với các công trình có tổng mức đầu tư lớn để tránh huy động quá sức dân.

Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ cho các thành viên tổ hợp tác có sáng kiến liên doanh, liên kết sản xuất bảo đảm tiêu thụ nông sản bền vững nhằm khuyến khích, động viên trong sản xuất bảo đảm đạt chỉ tiêu 13.2 *(Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững)*.

Ban hành kế hoạch cụ thể để huy động các nguồn lực từ phía các doanh nghiệp, các tổ chức NGO,... tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới.

3. Về các tiêu chí nông thôn mới

Huyện cần ban hành Đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và có giải pháp, lộ trình cụ thể cho từng năm để chỉ đạo thực hiện đạt chuẩn, trong đó:

- Đối với tiêu chí quy hoạch: Huyện cần xây dựng quy hoạch tổng thể vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt để đạt tiêu chí này. Bên cạnh đó, cần điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, đề án xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đối với tiêu chí giao thông: Cần nhựa hóa hoặc bê tông hóa 50,98 km đường huyện còn lại để đảm bảo tỷ lệ mặt đường huyện được cứng hóa đạt tỷ lệ 100% theo quy định. Đầu tư xây dựng, nâng cấp bến xe khách tại Trung tâm huyện theo quy hoạch tối thiểu đạt loại 4 để đạt chỉ tiêu này.

- Đối với thủy lợi: Thường xuyên rà soát chất lượng các công trình thủy lợi để duy tu, bảo dưỡng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo an toàn cho cuộc sống người dân trước các mùa mưa bão.

- Đối với Văn hóa - Y tế -Giáo dục: Đối với văn hóa, huyện chưa có Trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn do đó cần đầu tư xây dựng mới Trung tâm Văn hóa, thể dục thể thao huyện để đạt chuẩn theo yêu cầu của tiêu chí. Đối với trường học, hiện nay Trường THPT Bùi Dục Tài, UBND

tỉnh đã có Quyết định phê duyệt dự án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại QĐ số 949/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 do đó cần khẩn trương xây dựng để đạt chuẩn.

- Đối với sản xuất: Xây dựng kế hoạch và ban hành các chính sách hỗ trợ, thu hút liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đối với môi trường: Cần xây dựng quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Xây dựng quy trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Chỉ đạo các làng nghề, nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn lập hồ sơ, phương án bảo vệ môi trường. Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung 3 Cụm công nghiệp: Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh.

4. Về tổ chức bộ máy quản lý

Củng cố và kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành Chương trình MTQG xây dựng NTM từ huyện đến tận thôn, trong đó bao gồm Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM xã, cán bộ chuyên trách NTM các xã và Ban phát triển các thôn sau Đại hội Đảng bộ các cấp.

Có chính sách thu hút, đãi ngộ và khuyến khích đối với những người làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Ban Chấp hành đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết 26-NQ/TW, Hội nghị BCH TW lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
- Ban Chấp hành Đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW*
- 2 ngày 05/8/2008 , Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013), *Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội.
- 3 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015), *Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn*. NXB lao động - xã hội.
- 4 Chi cục Thống kê huyện Hải Lăng (2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020), *Niên giám thống kê năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*.
- 5 Chu Hữu Quý, (2009) “ *Phát triển toàn diện KT-XH nông thôn, nông nghiệp Việt Nam*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- 6 Cù Ngọc Hương (2006), *Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới Xã hội chủ nghĩa*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
- 7 Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương khóa VII, Lưu hành nội bộ*, Hà Nội.
- 8 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 9 Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 10 Đặng Kim Sơn (2014), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*. Nxb Chính trị quốc gia.
- 12 Đỗ Danh Phương (2018), *Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới*

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Luận văn Thạc sĩ quản lý công, Học viện hành chính quốc gia.

- 13 Nguyễn Đình Long, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, *Hiện trạng nông thôn và thực hiện Nghị quyết 26 khóa X (Nông nghiệp, nông dân, nông thôn).*

- 14 Nguyễn Thị Tố Uyên, (2012) “ *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011- 2020*”, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật.

- 15 Nguyễn Trọng Truyền (2019), *Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Phú Yên hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ quản lý công, Học viện hành chính quốc gia.

- 16 Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- 17 *Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

- 18 *Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*

- 19 *Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Quảng Tị giai đoạn 2016-2020.*

- 20 *Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;*

- 21 *Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

- 22 Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày*

17/10/2016 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Hà Nội.

- Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 05/4/2016*
23 *về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,*
Hà
Nội.

- 24 Tô Xuân Dân (2013), “ *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam*”: *Tầm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới*”, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- 25 Trường Chính trị Hà Tĩnh (2013), *Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới.*

- UBND huyện Đức Phổ (2015), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành*
26 *Đảng bộ huyện Đức Phổ khóa XIX trình đại hội XX, nhiệm kỳ 2015 – 2020.*

- 27 UBND huyện Hải Lăng (2018, 2019, 2020), *Báo cáo KTXH, QPAN năm 2018, 2019, 2020.*

- UBND huyện Hải Lăng (2019), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện*
28 *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2019.*

- 29 UBND tỉnh Hà Tĩnh (2017, 2018), *Báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017, 2018.*

- 30 UBND tỉnh Nam Định (2015, 2016, 2017), *Báo cáo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2015, 2016, 2017.*

- Vũ Văn Phúc (2012), *Xây dựng nông thôn mới- những vấn đề lý luận và*
31 *thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia. Đánh giá sâu sắc về thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế về xây dựng nông thôn mới.*

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ MÔI VÊ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ NĂM 2017

TT	Xã	Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Đánh giá theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh)																		Tiêu chí đạt đến cuối 2017	Chỉ tiêu đạt đến cuối 2017	Tăng/giảm so với năm 2016	K.N năm 2018				
		Quy hoạch	Giáo dục	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC VII	Cơ sở hạ tầng TMNT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động và việc làm	TCSN	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và ATTP	TC chính trị và nếp cũ PL					Q/PAN			
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)					(19)			
1	Hải Thượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	0	19			
2	Hải Phú	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	0	19			
3	Hải Lâm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	0	19			
4	Hải Ba	x		x	x	2018						x	2017	x	x	x	2018	x	2018	2017	x	14	41	2	17		
5	Hải Tân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	0	19			
6	Hải Quý	x		2018		x	x	2017			x	x	x	x	x	x	x	2018	2018	2018	2018	12	36	1	16		
7	Hải Xuân	x		x	x	x	x	x	x	2018	x	2017	x		x	2017	x	2018	2017	2017	14	38	4	16			
8	Hải Vĩnh	x	2018	2017	x	x	2018		x	x	x	2017	x	x	x	x	2017	x	2017	x	17	43	3	19			
9	Hải Hòa	x	2017	2017	x	2017	2017	x	x	2017	x	2017	x	2017	2017	2017	x	2017	x	x	19	49	10	19			
10	Hải Trường	x		2017	x	x		2018	x	x	x	2017	x	2018	x	x	x		2018	2017	13	41	0	16			
11	Hải Sơn	x		x	x	2017		x	x	2017	x		x	x	x	2018	x	2018	2017	x	13	39	2	15			
12	Hải Chánh	x		x	x			x		2018	x	2017	x	x	x	2018	x		x	x	11	36	0	13			
13	Hải Quế	x	2017	2017	x	2017	x	x	x	2017	x	2017	x	x	x	2017	x	2017	x	x	19	49	7	19			
14	Hải Dương	x	2017	x	x	2018	x	2017	x	x	x	x	x	2018	x	x	x	2017	x	2017	17	47	4	19			
15	Hải Thành	x		x	x	x		x	x	2017	x		x	2018	x	x	x	2018	x	x	14	41	1	16			
16	Hải Thiện	x		2018			x	x	x	x	x	x			x	↓	x	2018	2018	↓	11	39	-2	16			
17	Hải Thọ	x	2018	x	x	2018	2017	x	x	x	x	x	x	2017	2017	x	x	2018	x	2017	16	45	4	19			
18	Hải An	x	2017	2018	x		2017		x	x	x				x	x	x		2018	2018	11	33	0	14			
19	Hải Khê	x	2018	2017	x			x	x	x	x		x	x	x		x		2017	2017	13	39	2	14			
Tổng		19	8	16	19	12	11	18	18	16	19	14	18	10	19	15	19	8	15	16	290	812	38	324			
Ghi chú: Đánh dấu X là tiêu chí đạt đến 31/12/2016												2017				Tiêu chí đạt trong năm 2017				2018				Kế hoạch đạt tiêu chí năm 2017			
06 xã đạt 19 tiêu chí: Hải Thượng, Hải Phú, Hải Lâm, Hải Tân, Hải Quế, Hải Hòa																											
02 xã đạt 17 tiêu chí: Hải Vĩnh, Hải Dương																											
01 xã đạt 16 tiêu chí: Hải Thọ																											
03 xã đạt 14 tiêu chí: Hải Ba, Hải Xuân, Hải Thành																											
03 xã đạt 13 tiêu chí: Hải Sơn, Hải Trường, Hải Khê																											
01 xã đạt 12 tiêu chí: Hải Quý																											
03 xã đạt 11 tiêu chí: Hải Thiện, Hải Chánh, Hải An																											
* Xã NTM: Toàn huyện đạt 290 tiêu chí, bình quân đạt 15,26 tiêu chí, 42,74 chỉ tiêu/xã Số tiêu chí tăng so với năm 2016: 38 tiêu chí; bình quân tăng 2 tiêu chí/xã																											
* Thôn NTM: Toàn huyện có 21/92 thôn đạt chuẩn thôn NTM, bình quân mỗi xã có 1,11 thôn đạt chuẩn Thôn NTM, tăng 15 thôn so với năm 2016																											

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2018

T T	Xã	Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020																		Tổng số tiêu chí đạt 2018	Tổng số chỉ tiêu đạt 2018	KH 2019		
		Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ lợi	Điện	Trường học	CS VH	Cơ sở hạ tầng TM NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thụ nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	TCS X	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hóa	Môi trường và ATTP	TC chỉ h trị và tiếp cận PL			QPA N	Tiêu chí	Chỉ tiêu
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)			(19)		
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		
1	Hải Thưng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
2	Hải Phú	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
3	Hải Lâm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
4	Hải Ba	x	2019	x	x	2019	x	x	x	x	x	x	2019	x	x	x	2019	x	x	x	15	42	19	49
5	Hải Tân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
6	Hải Quy	x		x	x	x	2019	x	x	x	x	x		x	x	x	2019	x	x	x	15	45	16	46
7	Hải Xuân	x	2019	x	x	x	2019	x	x	x	x	x	2019	x	x	x		x	x	x	15	43	18	47
8	Hải Vĩnh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
9	Hải Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49

10	Hải Trườn g	x	201 9	x	x	x	2019	x	x	x	x	x	x	201 9	x	x	x	201 9	x	201 9	14	42	19	49
11	Hải Sơn	x	x	x	x	x	2019	x	x	x	x	x	x	x	x	201 9	x	201 9	x	x	16	44	19	49
12	Hải Chán h	x	201 9	x	x			x		x	x	x	x	201 9	x	201 9	x		201 9	x	11	37	15	41
13	Hải Quế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
14	Hải Dươn g	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
15	Hải Thàn h	x	201 9	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	15	43	16	45
16	Hải Thiệ n	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	201 9	x	201 9	201 9	x	13	41	16	44
17	Hải Thọ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	49	19	49
18	Hải An	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	201 9	x	x	x		x	2019	14	41	16	44
19	Hải Khê	x		x	x		2019	x	x	x	x		x		x	x	x	201 9	201 9		11	37	14	40
	Tổng	19	11	19	19	14	12	19	18	19	19	16	19	12	19	15	19	9	14	16	310	856	339	